

Nguyễn Văn Quyền - Nguyễn Văn Quân - Uyển Uyển

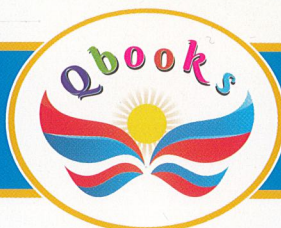
BÀI TẬP TUẦN TOÁN

4

TẬP 2

Trần Lệ Giang

Biên soạn theo chương trình
SÁCH GIÁO KHOA MỚI



👉 Quét mã QR để xem đáp án

👉 Có VIDEO bài giảng chi tiết



NHÀ XUẤT BẢN HÀ NỘI

Mục lục

TUẦN 19	Trang
• Khái niệm phân số • Khái niệm phân số (tiếp theo) • Phân số và phép chia số tự nhiên	3
TUẦN 20	Trang
• Luyện tập • Phân số bằng nhau • Tính chất cơ bản của phân số	7
TUẦN 21	Trang
• Rút gọn phân số • Quy đồng mẫu số các phân số • So sánh hai phân số cùng mẫu số	11
TUẦN 22	Trang
• So sánh hai phân số cùng mẫu số (tiếp theo) • So sánh hai phân số khác mẫu số • Luyện tập	15
TUẦN 23	Trang
• Luyện tập chung • Hình bình hành • Hình thoi • Mét vuông	19
TUẦN 24	Trang
• Mét vuông (tiếp theo) • Đề-xi-mét vuông • Mi-li-mét vuông	23
TUẦN 25	Trang
• Luyện tập chung • Em ôn lại những gì đã học • Em vui học toán	27
TUẦN 26	Trang
• Em vui học toán (tiếp theo) • Cộng các phân số cùng mẫu số • Trừ các phân số cùng mẫu số	30
TUẦN 27	Trang
• Luyện tập • Cộng các phân số khác mẫu số • Kiểm tra giữa học kì 2	34

TUẦN 28	Trang
• Trừ các phân số khác mẫu số • Luyện tập • Luyện tập chung	38
TUẦN 29	Trang
• Luyện tập chung (tiếp theo) • Phép nhân phân số • Luyện tập	42
TUẦN 30	Trang
• Tìm phân số của một số • Luyện tập • Phép chia phân số	46
TUẦN 31	Trang
• Phép chia phân số (tiếp theo) • Luyện tập • Luyện tập chung	50
TUẦN 32	Trang
• Dây số liệu thống kê • Biểu đồ cột • Kiểm đếm số lần xuất hiện của một sự kiện	53
TUẦN 33	Trang
• Em ôn lại những gì đã học • Em vui học toán • Ôn tập về số tự nhiên và các phép tính với số tự nhiên	56
TUẦN 34	Trang
• Ôn tập về số tự nhiên và các phép tính với số tự nhiên (tiếp theo) • Ôn tập về phân số và các phép tính với phân số • Ôn tập về hình học và đo lường	59
TUẦN 35	Trang
• Ôn tập về một số yếu tố thống kê và xác suất • Ôn tập chung • Kiểm tra cuối học kì 2	62

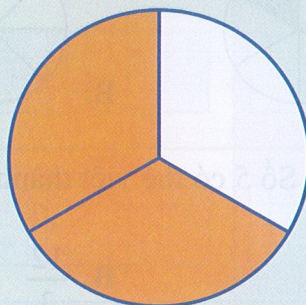
A. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

1 Khái niệm phân số.

- Chia hình tròn thành 3 phần bằng nhau. Tô màu **hai phần ba** hình tròn.

Viết là: $\frac{2}{3}$, đọc là **hai phần ba**.

- $\frac{2}{3}$ là một phân số.



Tử số

2

3

Mẫu số

- Mẫu số là một số tự nhiên khác 0.

2 Phân số và phép chia số tự nhiên.

$$a : b = \frac{a}{b}$$

- Thương của phép chia số tự nhiên cho số tự nhiên (khác 0) có thể viết thành một phân số, tử số là số bị chia, mẫu số là số chia.

$$a = \frac{a}{1}$$

- Mọi số tự nhiên đều có thể viết thành một phân số có tử số là số tự nhiên đó và mẫu số bằng 1.



B. BÀI TẬP



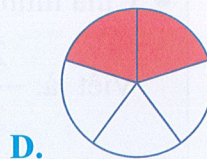
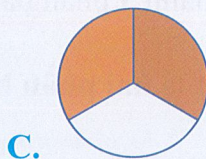
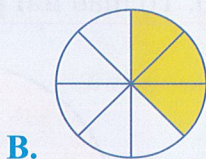
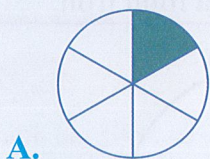
I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

★ **Câu 1** Phân số $\frac{2}{5}$ được đọc là:

- A. Hai mươi lăm B. Năm phần hai C. Hai phần lăm D. Hai phần năm

★ **Câu 2** Trong các hình dưới đây, hình đã được tô màu $\frac{2}{3}$ hình là:

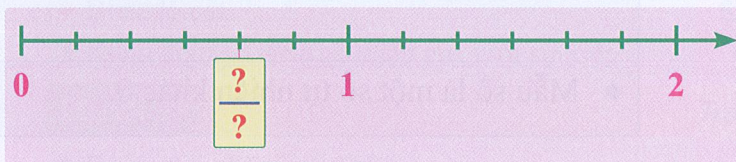


★ **Câu 3** Số 5 có thể viết thành phân số là:

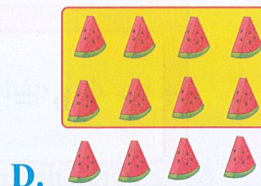
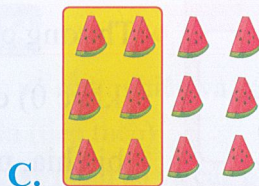
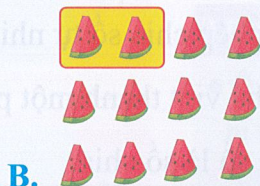
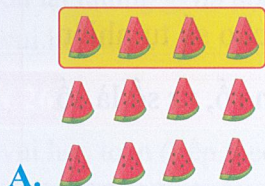
- A. $\frac{15}{3}$ B. $\frac{12}{3}$ C. $\frac{5}{5}$ D. $\frac{10}{5}$

★ **Câu 4** Phân số thích hợp điền vào chỗ trống là:

- A. $\frac{3}{5}$ B. $\frac{4}{5}$
C. $\frac{4}{6}$ D. $\frac{7}{6}$



★ **Câu 5** Hình đã khoanh $\frac{1}{6}$ số miếng dưa hấu là:



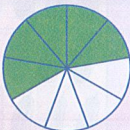
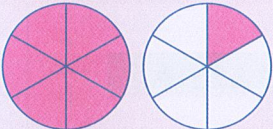
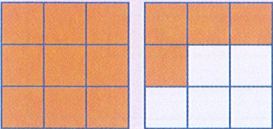
★ **Câu 6** Mẹ mua cho An một thùng sữa có 12 lốc sữa, mỗi lốc có 4 hộp sữa. An đã uống hết 12 hộp sữa. Vậy An đã uống hết số phần của thùng sữa là:

- A. $\frac{1}{12}$ thùng sữa B. $\frac{3}{12}$ thùng sữa C. $\frac{4}{12}$ thùng sữa D. $\frac{6}{12}$ thùng sữa



II. Phần tự luận.

Bài 1

		Phân số chỉ phần tô màu trong hình vẽ			
		Viết	Đọc	Tử số	Mẫu số
					
					
					
					

Bài 2 Viết thương của mỗi phép chia sau dưới dạng phân số:

$5 : 7 =$

$12 : 17 =$

$8 : 15 =$

11 : 23 =

$9 : 4 =$

$13 : 19 =$

$7 : 16 =$

$15 : 28 =$

Bài 3

$$\frac{5}{8} =$$

$$\frac{12}{20} =$$

$$\frac{16}{32} =$$

$$\frac{3}{7} =$$

$$\frac{17}{12} =$$

$$\frac{18}{20} =$$

Bài 4 Viết các số tự nhiên sau dưới dạng phân số có mẫu số bằng 5:

2 =



8 =



12 =



15 =



18 =



9 =



6 =



14 =



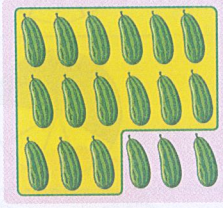
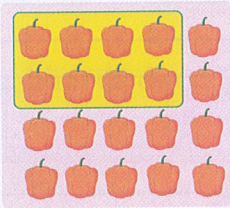
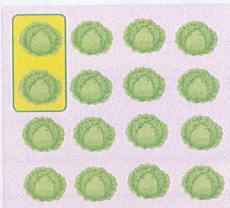
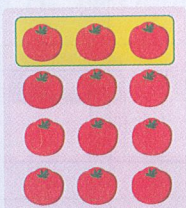
16 =



20 =

**Bài 5**

Nối phân số với hình thích hợp:



$\frac{1}{5}$

$\frac{1}{4}$

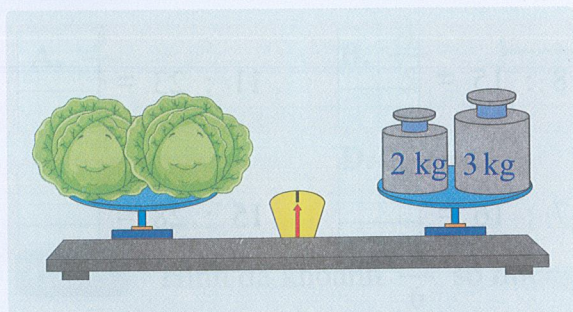
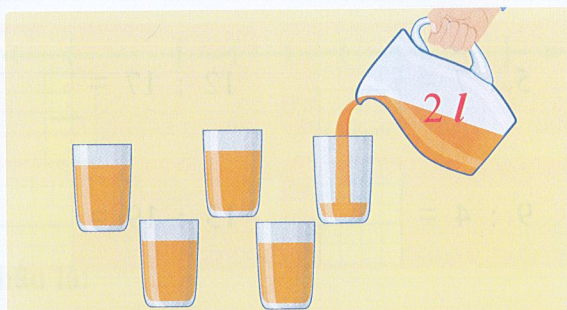
$\frac{1}{8}$

$\frac{5}{6}$

$\frac{2}{5}$

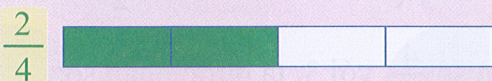
Bài 6

Viết phân số thích hợp vào chỗ trống trong các tình huống sau:

**a.** Cân nặng 2 cây bắp cải như nhau.Mỗi cây bắp cải cân nặng kg.**b.** Rót hết 2 l nước được đầy 5 cốc nhưnhau. Mỗi cốc có l nước.**c.** Chia đều một tờ giấy có diện tích là 75 cm^2 thành 4 mảnh. Mỗi mảnh có diện tíchlà cm^2 .**d.** Cưa một cây gỗ dài 6 m thành 7 khúc bằng nhau. Mỗi khúc gỗ dài m.

A. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

1 Phân số bằng nhau.



- Các phân số $\frac{1}{2}$, $\frac{2}{4}$, $\frac{4}{8}$ có tử số và mẫu số khác nhau nhưng có giá trị bằng nhau.

Ta gọi đó là các **phân số bằng nhau**.

- Viết là: $\frac{1}{2} = \frac{2}{4} = \frac{4}{8}$.

2 Tính chất cơ bản của phân số.

$$\frac{2}{5} = \frac{2 \times 6}{5 \times 6} = \frac{12}{30}$$

- Nếu nhân cả tử số và mẫu số của một phân số với cùng một số tự nhiên khác 0 thì được một phân số bằng phân số đã cho.

$$\frac{12}{30} = \frac{12 : 6}{30 : 6} = \frac{2}{5}$$

- Nếu cả tử số và mẫu số của một phân số cùng chia hết cho một số tự nhiên khác 0 thì sau khi chia ta được một phân số bằng phân số đã cho.



B. BÀI TẬP



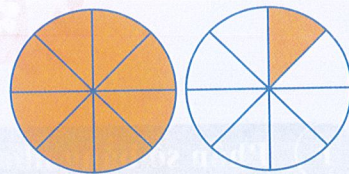
I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Phân số chỉ phần tô màu trong hình bên đọc là:

A. Chín phần tám B. Chín phần mười sáu

C. Bảy phần tám D. Bảy phần mười sáu



Câu 2 Số 6 có thể viết thành phân số là:

A. $\frac{24}{3}$

B. $\frac{12}{6}$

C. $\frac{30}{5}$

D. $\frac{18}{2}$

Câu 3 Cùng nhân tử số và mẫu số của phân số $\frac{4}{5}$ với 3, ta được phân số:

A. $\frac{7}{8}$

B. $\frac{12}{15}$

C. $\frac{4}{15}$

D. $\frac{12}{5}$

Câu 4 Số?

A. 3

B. 6

C. 8

D. 9

$$\frac{12}{18} = \frac{2}{?}$$

Câu 5 Các phân số bằng phân số $\frac{1}{3}$ là:

A. $\frac{1}{4}, \frac{1}{5}, \frac{1}{6}$

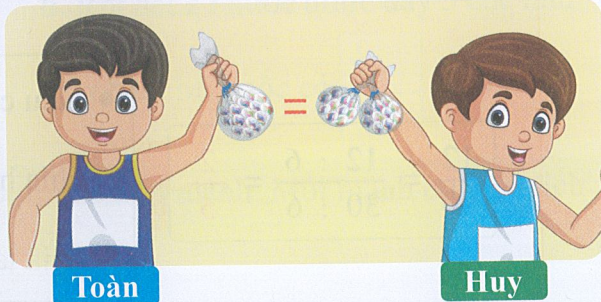
B. $\frac{2}{6}, \frac{3}{7}, \frac{4}{8}$

C. $\frac{3}{6}, \frac{4}{12}, \frac{5}{15}$

D. $\frac{2}{6}, \frac{3}{9}, \frac{4}{12}$

Câu 6 Toàn và Huy có số viên bi bằng nhau. Toàn chia đều số bi của mình vào 3 túi.

Huy chia đều số bi của mình vào một số túi. Số bi trong 1 túi của Toàn bằng số bi trong 2 túi của Huy. Vậy Huy đã chia số bi của mình vào số túi là:



Toàn

Huy

A. 3 túi

B. 4 túi

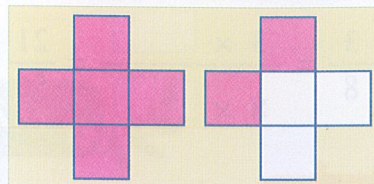
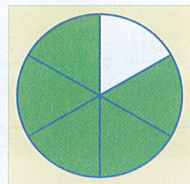
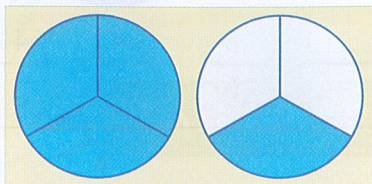
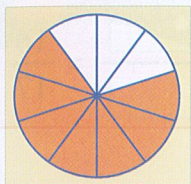
C. 6 túi

D. 8 túi

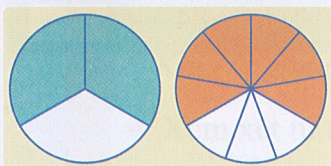


II. Phân tự luận.

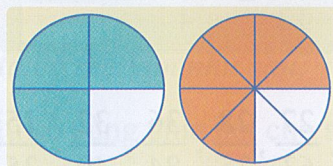
★ **Bài 1** Viết phân số chỉ phần tô màu trong mỗi hình dưới đây:



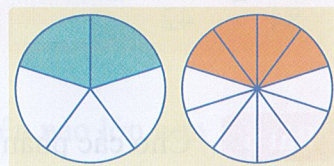
★ **Bài 2** Quan sát hình vẽ, viết các cặp phân số bằng nhau:



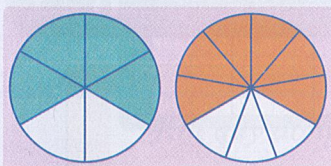
=



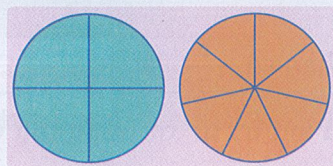
=



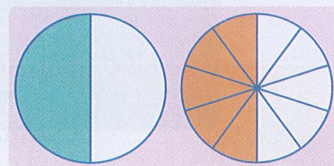
=



=



=



=



★ **Bài 3** Số?

$$\frac{2}{7} = \frac{2 \times 3}{7 \times 3} = \frac{\boxed{}}{\boxed{}}$$

$$\frac{8}{9} = \frac{8 \times 7}{9 \times 7} = \frac{\boxed{}}{\boxed{}}$$

$$\frac{35}{63} = \frac{35 : 7}{63 : 7} = \frac{\boxed{}}{\boxed{}}$$

$$\frac{13}{16} = \frac{13 \times 4}{16 \times 4} = \frac{\boxed{}}{\boxed{}}$$

$$\frac{25}{40} = \frac{25 : 5}{40 : 5} = \frac{\boxed{}}{\boxed{}}$$

$$\frac{36}{54} = \frac{36 : 18}{54 : 18} = \frac{\boxed{}}{\boxed{}}$$

★ **Bài 4** Số?

A. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

1) Rút gọn phân số.

- **Phân số tối giản** là phân số có tử số và mẫu số không cùng chia hết cho một số tự nhiên nào lớn hơn 1.

Khi rút gọn phân số ta có thể làm như sau:

- Xem xét tử số và mẫu số cùng chia hết cho số tự nhiên nào lớn hơn 1.
- Chia cả tử số và mẫu số cho số đó.
- Cứ làm như thế cho đến khi nhận được **phân số tối giản**.

2) Quy đồng mẫu số các phân số.

Khi quy đồng mẫu số hai phân số, ta có thể làm như sau:

- Tìm **mẫu số chung**.
- Áp dụng tính chất cơ bản của phân số, viết phân số còn lại thành phân số có mẫu số là **mẫu số chung**.

3) So sánh hai phân số cùng mẫu số.

Trong hai phân số có cùng mẫu số:

- Phân số nào có tử số bé hơn thì bé hơn.
- Phân số nào có tử số lớn hơn thì lớn hơn.
- Nếu hai tử số bằng nhau thì hai phân số bằng nhau.

B. BÀI TẬP



I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Rút gọn phân số $\frac{28}{35}$ ta được phân số:

- A. $\frac{3}{7}$ B. $\frac{5}{4}$ C. $\frac{4}{5}$ D. $\frac{3}{8}$

Câu 2 Trong các phân số sau, phân số tối giản là:

- A. $\frac{5}{6}$ B. $\frac{4}{12}$ C. $\frac{10}{15}$ D. $\frac{7}{21}$

Câu 3 Quy đồng hai phân số $\frac{2}{3}$ và $\frac{7}{15}$ ta được hai phân số là:

- A. $\frac{2}{15}$ và $\frac{7}{15}$ B. $\frac{10}{15}$ và $\frac{7}{15}$ C. $\frac{9}{15}$ và $\frac{7}{15}$ D. $\frac{12}{15}$ và $\frac{7}{15}$

Câu 4 Các phân số được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là:

- A. $\frac{2}{11}, \frac{5}{11}, \frac{10}{11}, \frac{7}{11}$ B. $\frac{3}{15}, \frac{5}{15}, \frac{11}{15}, \frac{13}{15}$ C. $\frac{19}{21}, \frac{16}{21}, \frac{14}{21}, \frac{13}{21}$ D. $\frac{35}{33}, \frac{28}{33}, \frac{9}{33}, \frac{25}{33}$

Câu 5 An, Hà và Mai đã chia một bức tranh thành các phần bằng nhau rồi cùng nhau vẽ. An vẽ được $\frac{1}{2}$ bức tranh, Hà vẽ được $\frac{2}{5}$ bức tranh và Mai vẽ được $\frac{1}{10}$ bức tranh. Vậy bức tranh đã được chia thành số phần bằng nhau là:

- A. 2 phần B. 5 phần C. 8 phần D. 10 phần

Câu 6 Bốn chị em Hiền, Bình, Thuý và My vừa giúp mẹ trồng xong một luống rau. Hiền trồng được $\frac{6}{15}$ luống rau, Bình trồng được $\frac{2}{15}$ luống rau, Thuý trồng được $\frac{4}{15}$ luống rau và My trồng được $\frac{3}{15}$ luống rau. Vậy người trồng được nhiều rau nhất là:

- A. Hiền B. Bình C. Thuý D. My



II. Phân tự luận.

★ **Bài 1** Rút gọn các phân số sau:

$$\frac{8}{12} = \boxed{} \boxed{} \boxed{} \boxed{} \boxed{} \boxed{}$$

$$\frac{20}{24} = \boxed{} \boxed{} \boxed{} \boxed{} \boxed{} \boxed{}$$

$$\frac{18}{42} = \boxed{} \boxed{} \boxed{} \boxed{} \boxed{} \boxed{}$$

$$\frac{27}{45} = \boxed{} \boxed{} \boxed{} \boxed{} \boxed{} \boxed{}$$

★ **Bài 2** Quy đồng mẫu số hai phân số:

$$\frac{1}{2} \text{ và } \frac{5}{6}$$

$$\frac{2}{3} \text{ và } \frac{5}{18}$$

$$\frac{7}{6} \text{ và } \frac{19}{48}$$

★ **Bài 3** >; <; = ?

$$\frac{3}{8} \quad \boxed{} \boxed{} \quad \frac{1}{8}$$

$$\frac{4}{9} \quad \boxed{} \boxed{} \quad \frac{7}{9}$$

$$\frac{35}{71} \quad \boxed{} \boxed{} \quad \frac{39}{71}$$

$$\frac{14}{23} \quad \boxed{} \boxed{} \quad \frac{29}{23}$$

$$\frac{4}{16} \quad \boxed{} \boxed{} \quad \frac{5}{16}$$

$$\frac{15}{40} \quad \boxed{} \boxed{} \quad \frac{12}{40}$$

$$\frac{25}{28} \quad \boxed{} \boxed{} \quad \frac{17}{28}$$

$$\frac{36}{29} \quad \boxed{} \boxed{} \quad \frac{32}{29}$$

★ **Bài 4** Rút gọn rồi quy đồng mẫu số hai phân số:

$$\frac{21}{27} \text{ và } \frac{6}{18}$$

$$\frac{52}{72} \text{ và } \frac{5}{10}$$

Bài 5 Sắp xếp các phân số sau theo thứ tự từ bé đến lớn:

$$\frac{12}{17}, \frac{9}{17}, \frac{11}{17}, \frac{18}{17}$$

$$\frac{15}{35}, \frac{8}{35}, \frac{24}{35}, \frac{17}{35}$$

$$\frac{23}{26}, \frac{27}{26}, \frac{25}{26}, \frac{17}{26}$$

$$\frac{21}{28}, \frac{19}{28}, \frac{12}{28}, \frac{15}{28}$$

$$\frac{16}{37}, \frac{11}{37}, \frac{24}{37}, \frac{28}{37}$$

$$\frac{9}{12}, \frac{13}{12}, \frac{19}{12}, \frac{5}{12}$$

Bài 6 Cuộc khảo sát về môn thể thao yêu thích nhất của lớp 4A cho kết quả như sau:

Lớp 4A có $\frac{1}{2}$ số học sinh chọn bóng đá, $\frac{1}{4}$ số học sinh chọn cầu lông, $\frac{1}{5}$ số học sinh chọn bóng bàn và $\frac{1}{20}$ số học sinh chọn chạy bộ.

a. Quy đồng mẫu số các phân số chỉ số học sinh yêu thích các môn thể thao (theo thứ tự trên) thành các phân số có mẫu số bằng 40, ta được các phân số lần lượt là:

b. Môn thể thao được các bạn học sinh lớp 4A yêu thích nhất là

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--



A. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

1 So sánh phân số với 1.

- Nếu một phân số có tử số bé hơn mẫu số thì phân số đó bé hơn 1.

$$\frac{3}{8} < \frac{8}{8} \text{ mà } \frac{8}{8} = 1 \text{ nên } \frac{3}{8} < 1$$

- Nếu một phân số có tử số lớn hơn mẫu số thì phân số đó lớn hơn 1.

$$\frac{11}{8} > \frac{8}{8} \text{ mà } \frac{8}{8} = 1 \text{ nên } \frac{11}{8} > 1$$

2 So sánh hai phân số khác mẫu số.

Muốn so sánh hai phân số khác mẫu số, ta làm như sau:

- Quy đồng mẫu số hai phân số để chúng có cùng mẫu số.
- So sánh các tử số của hai phân số mới có cùng mẫu số.

B. BÀI TẬP



I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Trong các phân số dưới đây, phân số bé hơn 1 là:

A. $\frac{2}{3}$

B. $\frac{4}{3}$

C. $\frac{5}{2}$

D. $\frac{21}{18}$

Câu 2 Quy đồng mẫu số hai phân số $\frac{5}{8}$ và $\frac{3}{2}$ ta được hai phân số là:

A. $\frac{15}{24}$ và $\frac{15}{10}$

B. $\frac{3}{8}$ và $\frac{3}{2}$

C. $\frac{5}{8}$ và $\frac{12}{8}$

D. $\frac{5}{2}$ và $\frac{3}{2}$

Câu 3 So sánh đúng là:

A. $\frac{99}{88} < 1$

B. $\frac{8}{3} < \frac{3}{8}$

C. $\frac{5}{7} = \frac{30}{42}$

D. $\frac{11}{14} < \frac{6}{7}$

Câu 4 Quả dưa nặng nhất là:

A.  $\frac{10}{12}$ kg

B.  $\frac{6}{5}$ kg

C.  $\frac{3}{4}$ kg

D.  $\frac{8}{12}$ kg

Câu 5 Các phân số được sắp xếp theo thứ tự từ lớn đến bé là:

A. $\frac{5}{3}; \frac{4}{3}; \frac{6}{6}; \frac{1}{2}$

B. $\frac{6}{6}; \frac{4}{3}; \frac{5}{3}; \frac{1}{2}$

C. $\frac{4}{3}; \frac{6}{6}; \frac{5}{3}; \frac{1}{2}$

D. $\frac{1}{2}; \frac{6}{6}; \frac{4}{3}; \frac{5}{3}$

Câu 6 An, Bình, Hà và Mai cùng nhau thu gom giấy vụn. An thu gom được $\frac{7}{10}$ yến giấy vụn, Bình thu gom được $\frac{4}{5}$ yến, Hà thu gom được $\frac{1}{2}$ yến và Mai thu gom được $\frac{3}{5}$ yến giấy vụn. Vậy bạn thu gom được nhiều giấy vụn nhất là:

A. An

B. Bình

C. Hà

D. Mai

II. Phần tự luận.

Bài 1 Quy đồng mẫu số rồi so sánh hai phân số:



$$\frac{7}{12} \text{ và } \frac{13}{24}$$

$$\frac{19}{28} \text{ và } \frac{6}{7}$$

$$\frac{25}{32} \text{ và } \frac{3}{4}$$

★ **Bài 2** Rút gọn rồi so sánh hai phân số:

$$\frac{16}{18} \text{ và } \frac{7}{9}$$

$$\frac{20}{35} \text{ và } \frac{5}{7}$$

★ **Bài 3** $> ; < ; =$?

$$\frac{13}{8} \begin{array}{|c|c|c|} \hline & & \\ \hline & & \\ \hline & & \\ \hline \end{array} 1$$

$$\frac{7}{10} \begin{array}{|c|c|c|} \hline & & \\ \hline & & \\ \hline & & \\ \hline \end{array} \frac{2}{5}$$

$$\frac{7}{40} \begin{array}{|c|c|c|} \hline & & \\ \hline & & \\ \hline & & \\ \hline \end{array} \frac{1}{5}$$

$$\frac{7}{13} \begin{array}{|c|c|c|} \hline & & \\ \hline & & \\ \hline & & \\ \hline \end{array} \frac{15}{26}$$

$$\frac{15}{16} \begin{array}{|c|c|c|} \hline & & \\ \hline & & \\ \hline & & \\ \hline \end{array} 1$$

$$\frac{5}{12} \begin{array}{|c|c|c|} \hline & & \\ \hline & & \\ \hline & & \\ \hline \end{array} \frac{3}{4}$$

$$\frac{2}{3} \begin{array}{|c|c|c|} \hline & & \\ \hline & & \\ \hline & & \\ \hline \end{array} \frac{18}{54}$$

$$\frac{5}{9} \begin{array}{|c|c|c|} \hline & & \\ \hline & & \\ \hline & & \\ \hline \end{array} \frac{56}{63}$$

$$\frac{35}{23} \begin{array}{|c|c|c|} \hline & & \\ \hline & & \\ \hline & & \\ \hline \end{array} 1$$

$$\frac{17}{18} \begin{array}{|c|c|c|} \hline & & \\ \hline & & \\ \hline & & \\ \hline \end{array} \frac{5}{6}$$

$$\frac{24}{30} \begin{array}{|c|c|c|} \hline & & \\ \hline & & \\ \hline & & \\ \hline \end{array} \frac{3}{5}$$

$$\frac{3}{4} \begin{array}{|c|c|c|} \hline & & \\ \hline & & \\ \hline & & \\ \hline \end{array} \frac{72}{96}$$

Bài 4

Cho các phân số $\frac{11}{12}$; $\frac{5}{4}$; $\frac{3}{2}$; $\frac{17}{21}$; $\frac{2}{9}$; $\frac{45}{41}$; $\frac{32}{57}$; $\frac{33}{25}$:

a. Các phân số bé hơn 1 là:

b. Các phân số lớn hơn 1 là:

Bài 5

Sắp xếp các phân số và số sau theo thứ tự từ bé đến lớn:

$$\frac{2}{3}, \frac{7}{15}, \frac{2}{5}$$

$$\frac{5}{6}, \frac{4}{3}, \frac{7}{12}$$

$$\frac{11}{20}, \frac{1}{4}, \frac{3}{5}$$

$$\frac{1}{2}, \frac{3}{7}, 1, \frac{15}{14}$$

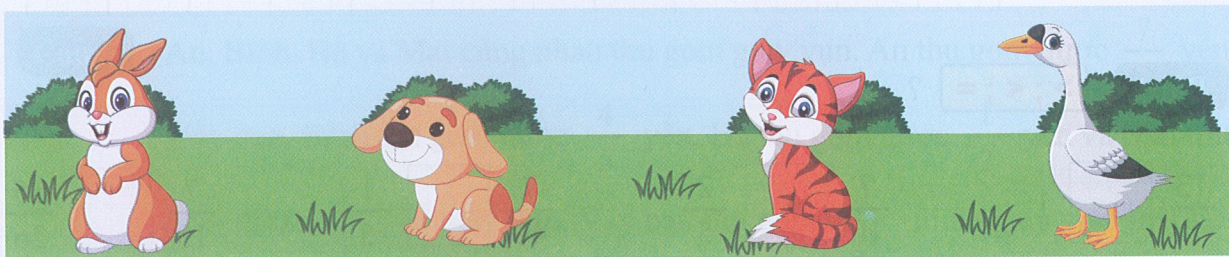
$$\frac{7}{24}, \frac{5}{3}, 1, \frac{9}{8}$$

$$\frac{9}{18}, 1, \frac{2}{3}, \frac{1}{6}$$

Bài 6

Nói:

Trong 4 con vật, con chó nặng nhất. Con mèo nặng hơn con thỏ nhưng nhẹ hơn con ngỗng. Tìm cân nặng của mỗi con vật.



$$\frac{21}{6} \text{ kg}$$

$$\frac{10}{3} \text{ kg}$$

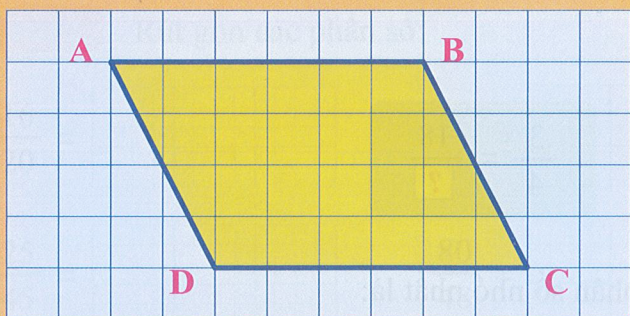
$$\frac{51}{12} \text{ kg}$$

$$\frac{9}{2} \text{ kg}$$

A. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

1 Hình bình hành.

có hai cặp cạnh đối diện song song và bằng nhau.

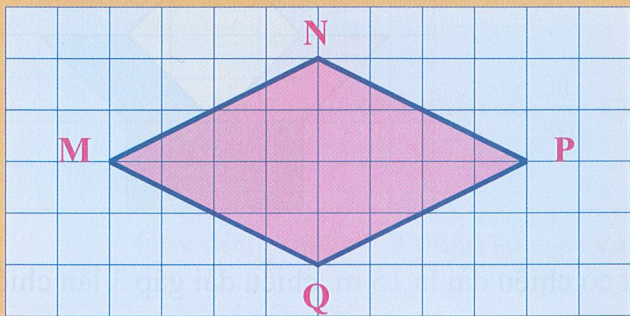


Hình bình hành **ABCD** có:

- **AB** và **DC** là hai cạnh đối diện, **AD** và **BC** là hai cạnh đối diện.
- Cạnh **AB** song song với cạnh **DC**, cạnh **AD** song song với cạnh **BC**,
- **AB = DC** và **AD = BC**.

2 Hình thoi.

có hai cặp cạnh đối diện song song và bốn cạnh bằng nhau.



Hình thoi **MNPQ** có:

- **MN** và **QP** là hai cạnh đối diện, **MQ** và **NP** là hai cạnh đối diện.
- Cạnh **MN** song song với cạnh **QP**, cạnh **MQ** song song với cạnh **NP**,
- **MN = NP = QP = MQ**.

3 Mét vuông.

- Là một đơn vị đo diện tích.
- Là diện tích của hình vuông có cạnh dài **1 m**.
- Viết tắt là **m²**.



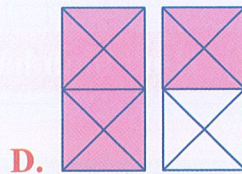
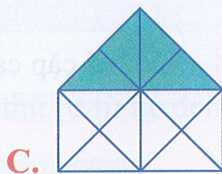
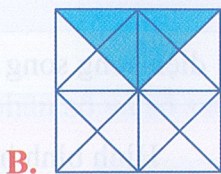
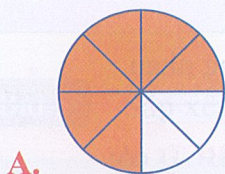
B. BÀI TẬP



I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

★ **Câu 1** Hình đã được tô màu $\frac{3}{2}$ hình là:



★ **Câu 2** Số?

A. 12

B. 18

C. 24

D. 30

$$\frac{3}{4} = \frac{18}{\boxed{?}}$$

★ **Câu 3** Trong các phân số dưới đây, phân số nhỏ nhất là:

A. $\frac{5}{9}$

B. $\frac{5}{6}$

C. $\frac{11}{18}$

D. $\frac{4}{3}$

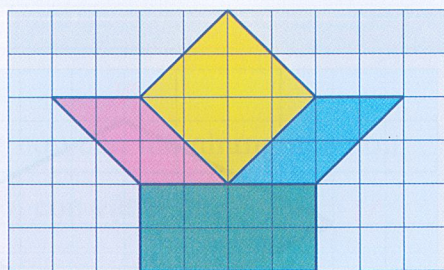
★ **Câu 4** Hình vẽ bên có:

A. 2 hình bình hành và 1 hình thoi

B. 3 hình bình hành và 2 hình thoi

C. 4 hình bình hành và 1 hình thoi

D. 4 hình bình hành và 2 hình thoi



★ **Câu 5** Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài là 15 m, chiều dài gấp 3 lần chiều rộng. Vậy diện tích của mảnh vườn đó là:

A. 45 m²

B. 75 m²

C. 675 m²

D. 55 m²

★ **Câu 6** Thời gian Hiền, Mai, Bình và An hoàn thành bài kiểm tra Toán lần lượt là: $\frac{3}{4}$ giờ, $\frac{2}{3}$ giờ, $\frac{7}{12}$ giờ và $\frac{1}{2}$ giờ. Vậy bạn hoàn thành bài kiểm tra sớm nhất là:

A. Hiền

B. Mai

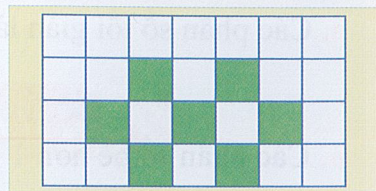
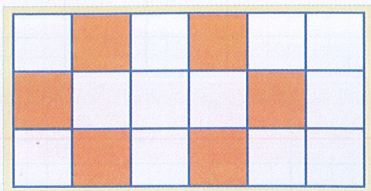
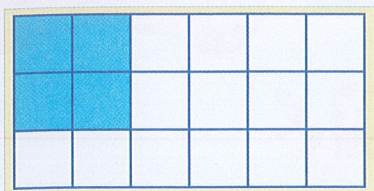
C. Bình

D. An



II. Phần tự luận.

Bài 1 Viết phân số tối giản chỉ số phần được tô màu trong mỗi hình sau:



Bài 2 Rút gọn các phân số:

$$\frac{16}{20} = \frac{\square}{\square}$$

$$\frac{32}{40} = \frac{\square}{\square}$$

$$\frac{75}{90} = \frac{\square}{\square}$$

$$\frac{25}{45} = \frac{\square}{\square}$$

$$\frac{80}{48} = \frac{\square}{\square}$$

$$\frac{36}{63} = \frac{\square}{\square}$$

Bài 3 Viết phân số thích hợp vào chỗ trống:

a. Quy đồng mẫu số 2 phân số $\frac{11}{35}$ và $\frac{2}{7}$ ta được $\frac{\square}{\square}$ và $\frac{\square}{\square}$.

b. Quy đồng mẫu số 2 phân số $\frac{31}{80}$ và $\frac{3}{10}$ ta được $\frac{\square}{\square}$ và $\frac{\square}{\square}$.

c. Quy đồng mẫu số 2 phân số $\frac{1}{2}$ và $\frac{9}{16}$ ta được $\frac{\square}{\square}$ và $\frac{\square}{\square}$.

Bài 4 $> ; < ; =$?

$$\frac{3}{2} \square \frac{5}{6}$$

$$\frac{3}{7} \square \frac{5}{21}$$

$$\frac{7}{14} \square \frac{1}{2}$$

$$\frac{3}{9} \square \frac{16}{36}$$

$$\frac{5}{8} \square \frac{17}{24}$$

$$\frac{15}{25} \square \frac{4}{5}$$

$$\frac{13}{30} \square \frac{5}{6}$$

$$\frac{32}{48} \square \frac{2}{3}$$

Bài 5 Cho các phân số $\frac{1}{4}; \frac{5}{8}; \frac{9}{6}; \frac{12}{24}$:

a. Các phân số tối giản là:

A blank sheet of graph paper with a grid pattern. The grid consists of small squares formed by light blue lines. There are four vertical lines and three horizontal lines visible, creating a grid of approximately 10 columns and 6 rows of small squares. A thicker blue line runs vertically down the center, dividing the page into two equal halves. Another thicker blue line runs horizontally across the middle, dividing the page into two equal halves. These two lines intersect at the center of the grid.

b. Các phân số bé hơn 1 là:

[illegible]

c. Các phân số được viết theo thứ tự từ lớn đến bé là:

A blank sheet of graph paper with a grid pattern. The grid consists of small squares formed by light blue lines. There are two thicker vertical lines and one thicker horizontal line that divide the page into larger sections. Specifically, there are three columns created by four vertical lines (two thick, two thin) and two rows created by three horizontal lines (one thick, two thin).

Bài 6

Điền vào chỗ trống:

Trong hình vẽ bên:

- Cạnh AB song song với cạnh

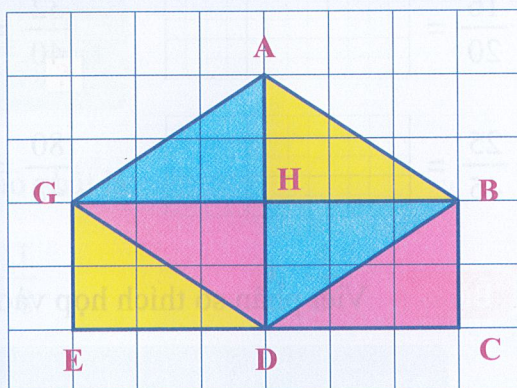
A blank grid for drawing a picture, consisting of 10 columns and 10 rows of squares.

- Có  đường thẳng song song với BC.

- Có

 hình bình hành và

 hình thoi.



Bài 7

Chú Sơn thuê một số người thợ lát sàn gỗ cho căn phòng hình chữ nhật dài 5 m và rộng 4 m. Mỗi mét vuông sàn gỗ có giá là 450 000 đồng (gồm cả tiền sàn gỗ và tiền công). Hỏi chú Sơn phải trả những người thợ đó bao nhiêu tiền?

Bài giải

[illegible]

A. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

Mét vuông, đề-xi-mét vuông, mi-li-mét vuông.

1 Mét vuông

- Là một đơn vị đo diện tích.
- Là diện tích của hình vuông có cạnh dài **1 m**.
- Viết tắt là **m²**.

2 Đề-xi-mét vuông

- Là một đơn vị đo diện tích.
- Là diện tích của hình vuông có cạnh dài **1 dm**.
- Viết tắt là **dm²**.

3 Mi-li-mét vuông

- Dùng để đo diện tích của những vật có kích thước nhỏ.
- Là diện tích của hình vuông có cạnh dài **1 mm**.
- Viết tắt là **mm²**.

m ²	dm ²	cm ²	mm ²
1 m ² = 100 dm ²	1 dm ² = 100 cm ²	1 cm ² = 100 mm ²	100 mm ² = 1 cm ²
= 10 000 cm ²	= 10 000 mm ²		10 000 mm ² = 1 dm ²
= 1 000 000 mm ²			1 000 000 mm ² = 1 m ²



B. BÀI TẬP



I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Số?

A. 500

B. 5 000

C. 50 000

D. 500 000

$$50 \text{ m}^2 = \boxed{?} \text{ dm}^2$$

Câu 2 Diện tích của một cái bàn học khoảng:

A. 50 m^2

B. 50 dm^2

C. 50 m^2

D. 5 cm^2

Câu 3 Trong các số đo dưới đây, số đo lớn nhất là:

A. $8 \text{ m}^2 13 \text{ dm}^2$

B. $80 \text{ dm}^2 13 \text{ cm}^2$

C. $8 \text{ m}^2 130 \text{ cm}^2$

D. $813 000 \text{ mm}^2$

Câu 4 Cửa phòng của Hoa có dạng hình chữ nhật. Cửa có chiều rộng là 8 dm, chiều dài hơn chiều rộng là 130 cm. Vậy diện tích cửa phòng của Hoa là:

A. 168 cm^2

B. 104 cm^2

C. 104 dm^2

D. 168 dm^2

Câu 5 Cô Hà có một mảnh đất hình chữ nhật dài 18 m và rộng 8 m. $\frac{1}{3}$ mảnh đất đó được cô Hà dùng để trồng rau. Vậy diện tích đất cô Hà trồng rau là:

A. 36 m^2

B. 27 m^2

C. 48 m^2

D. 42 m^2

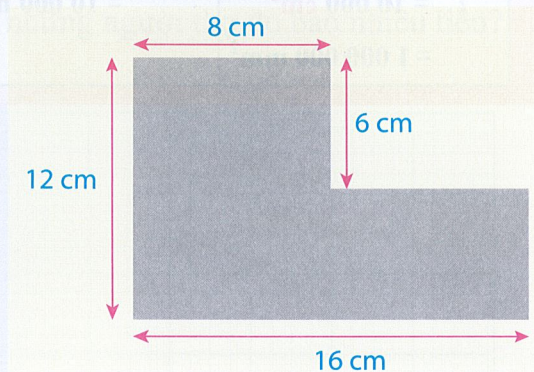
Câu 6 Một tấm bìa có hình dạng như hình vẽ bên. Diện tích của tấm bìa đó là:

A. 192 cm^2

B. 96 cm^2

C. 144 cm^2

D. 128 cm^2



II. Phần tự luận.

Bài 1 Số?



$$12 \text{ dm}^2 = \boxed{} \text{ cm}^2$$

$$105 \text{ m}^2 = \boxed{} \text{ dm}^2$$

$$35 \text{ dm}^2 = \boxed{} \text{ mm}^2$$

$$80\,000 \text{ mm}^2 = \boxed{} \text{ cm}^2$$

$$900\,000 \text{ cm}^2 = \boxed{} \text{ m}^2$$

$$200\,000 \text{ cm}^2 = \boxed{} \text{ dm}^2$$

★ Bài 2 Số?

$$40 \text{ dm}^2 480 \text{ cm}^2 = \boxed{} \text{ cm}^2$$

$$15 \text{ m}^2 5 \text{ cm}^2 = \boxed{} \text{ mm}^2$$

$$6 \text{ dm}^2 250 \text{ mm}^2 = \boxed{} \text{ mm}^2$$

$$5\,610 \text{ cm}^2 = \boxed{} \text{ dm}^2 \boxed{} \text{ cm}^2$$

$$7\,012 \text{ dm}^2 = \boxed{} \text{ m}^2 \boxed{} \text{ dm}^2$$

$$800\,500 \text{ mm}^2 = \boxed{} \text{ dm}^2 \boxed{} \text{ cm}^2$$

★ Bài 3 > ; < ; = ?

$$47 \text{ m}^2 56 \text{ dm}^2 \boxed{} 4\,870 \text{ dm}^2 + 130 \text{ dm}^2$$

$$150\,000 \text{ cm}^2 \times 3 \boxed{} 42 \text{ m}^2 45 \text{ cm}^2$$

$$6 \text{ m}^2 250 \text{ dm}^2 \boxed{} 250 \text{ dm}^2 \times 25$$

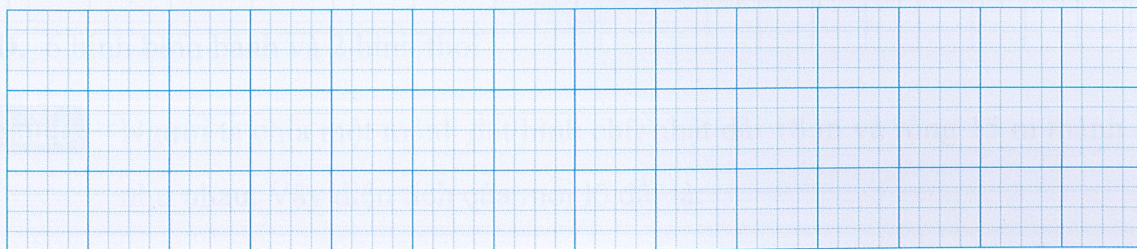
$$15 \text{ cm}^2 120 \text{ mm}^2 \boxed{} 4\,860 \text{ mm}^2 : 30$$

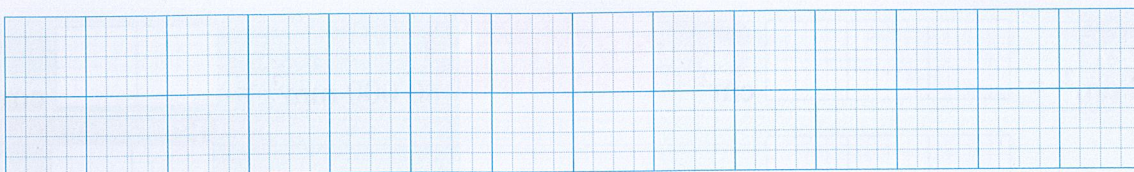
$$7 \text{ dm}^2 5 \text{ cm}^2 \boxed{} 3\,750 \text{ mm}^2 \times 20$$

$$202 \text{ cm}^2 \times 4 \boxed{} 8 \text{ dm}^2 800 \text{ mm}^2$$

★ Bài 4 Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài là 28 m, chiều dài gấp 2 lần chiều rộng. Tính diện tích của mảnh đất đó.

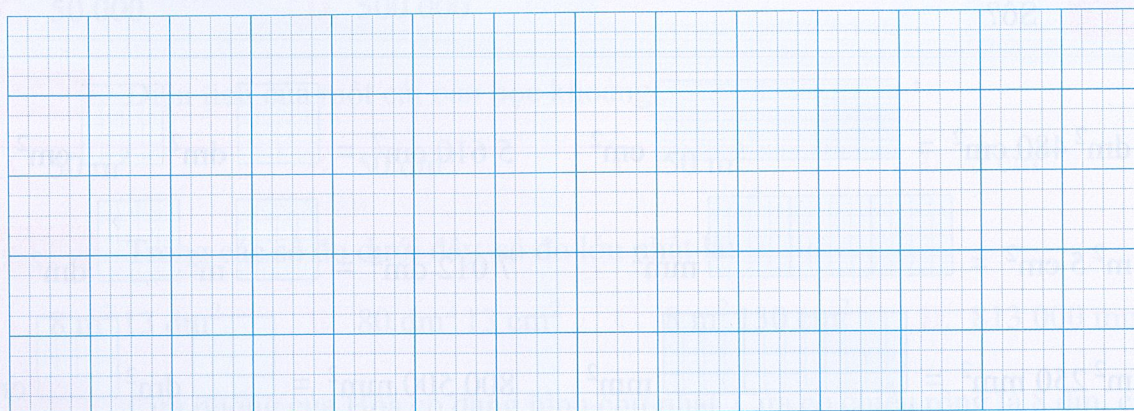
Bài giải





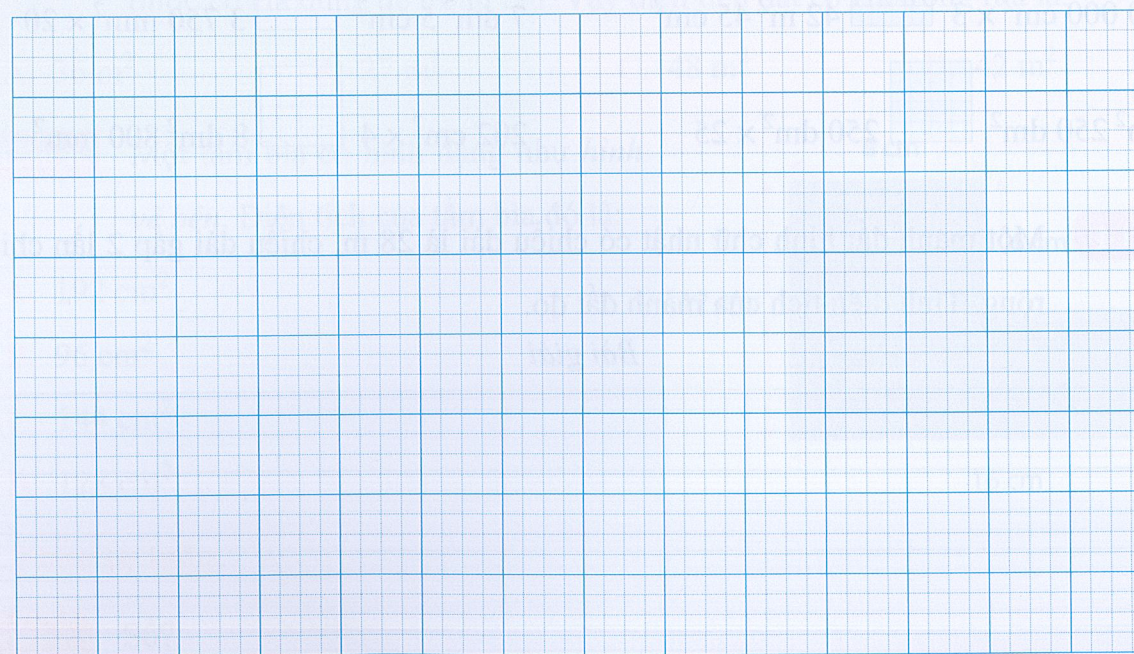
Bài 5 Một bàn cờ vua có 64 ô vuông cạnh 20 mm. Hỏi bàn cờ vua đó có diện tích bằng bao nhiêu mi-li-mét vuông?

Bài giải



Bài 6 Cô Phương trồng cam và bưởi trên mảnh đất hình chữ nhật dài 80 m và rộng 55 m. Diện tích trồng cam lớn hơn diện tích trồng bưởi là 800 m^2 . Tính diện tích trồng cam, diện tích trồng bưởi của cô Phương.

Bài giải





I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

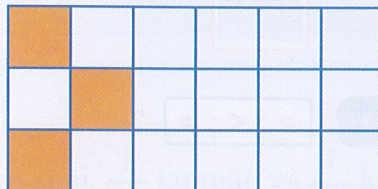
Câu 1 Phân số chỉ số phần được tô màu trong hình bên là:

A. $\frac{1}{3}$

B. $\frac{1}{4}$

C. $\frac{1}{6}$

D. $\frac{1}{9}$



Câu 2 Phân số bằng phân số $\frac{3}{8}$ là:

A. $\frac{9}{16}$

B. $\frac{15}{40}$

C. $\frac{12}{24}$

D. $\frac{21}{48}$

Câu 3 Trong các phân số dưới đây, phân số lớn nhất là:

A. $\frac{5}{6}$

B. $\frac{47}{48}$

C. $\frac{7}{8}$

D. $\frac{11}{12}$

Câu 4 Số?

A. 82 000

B. 820 000

C. 8 200

D. 820

$8 \text{ dm}^2 20 \text{ cm}^2 = ? \text{ mm}^2$

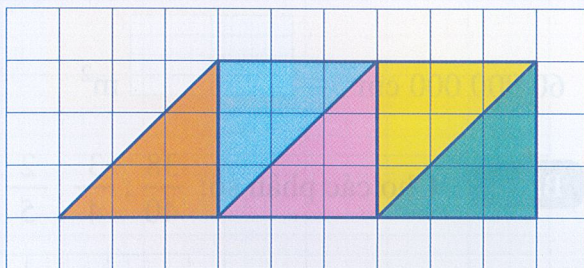
Câu 5 Hình vẽ bên có:

A. 4 hình bình hành và 2 hình thoi

B. 3 hình bình hành và 1 hình thoi

C. 5 hình bình hành và 3 hình thoi

D. 6 hình bình hành và 2 hình thoi



Câu 6 Người ta chia một mảnh đất hình chữ nhật dài 18 m và rộng 15 m thành 3 lô như nhau. Vậy diện tích của mỗi lô đất là:

A. 75 m^2

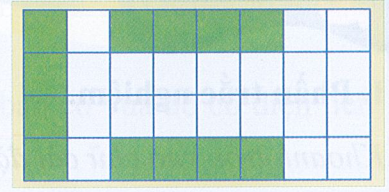
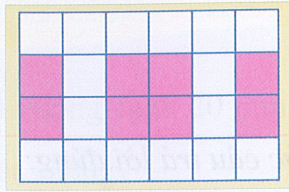
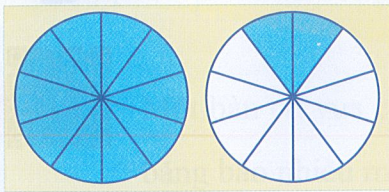
B. 90 m^2

C. 55 m^2

D. 65 m^2

II. Phần tự luận.

Bài 1 Viết phân số tối giản chỉ số phần được tô màu trong mỗi hình sau:



Bài 2 $>$; $<$; $=$?

$$\frac{1}{15} \quad \text{[grid]} \quad \frac{2}{5}$$

$$\frac{5}{4} \quad \text{[grid]} \quad \frac{5}{8}$$

$$\frac{95}{50} \quad \text{[grid]} \quad \frac{19}{5}$$

$$\frac{8}{63} \quad \text{[grid]} \quad \frac{2}{21}$$

$$\frac{5}{7} \quad \text{[grid]} \quad \frac{13}{21}$$

$$\frac{7}{18} \quad \text{[grid]} \quad \frac{7}{9}$$

$$\frac{15}{18} \quad \text{[grid]} \quad \frac{5}{6}$$

$$\frac{11}{17} \quad \text{[grid]} \quad \frac{48}{68}$$

Bài 3 Số?

$$87 \text{ dm}^2 = \text{[grid]} \text{ mm}^2$$

$$16 \text{ m}^2 = \text{[grid]} \text{ cm}^2$$

$$50\,000\,000 \text{ mm}^2 = \text{[grid]} \text{ m}^2$$

$$60\,000\,000 \text{ cm}^2 = \text{[grid]} \text{ m}^2$$

$$4 \text{ m}^2 56 \text{ cm}^2 = \text{[grid]} \text{ cm}^2$$

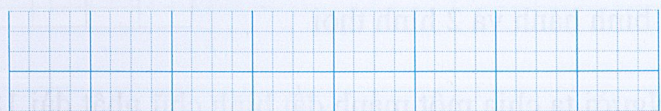
$$6 \text{ m}^2 32 \text{ dm}^2 = \text{[grid]} \text{ cm}^2$$

$$50\,080 \text{ mm}^2 = \text{[grid]} \text{ dm}^2 \text{ [grid]} \text{ mm}^2$$

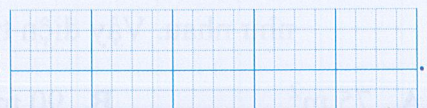
$$29\,000 \text{ cm}^2 = \text{[grid]} \text{ m}^2 \text{ [grid]} \text{ dm}^2$$

Bài 4 Cho các phân số: $\frac{38}{40}$; $\frac{3}{4}$; $\frac{2}{5}$; $\frac{7}{10}$

a. Các phân số tối giản là:



b. Các phân số được viết theo thứ tự từ bé đến lớn là:

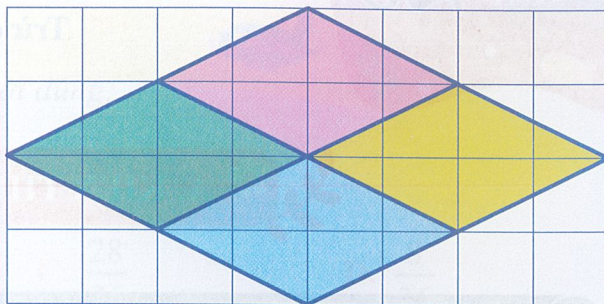


Bài 5

Hình vẽ bên có:

hình bình hành,

hình thoi.



Bài 6

Hôm nay là Tết Đoan Ngọ, mẹ Hiền đi chợ mua $\frac{5}{4}$ kg xoài, $\frac{1}{2}$ kg mận và $\frac{7}{8}$ kg ổi.

- | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|-----|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 | 30 | 31 | 32 | 33 | 34 | 35 | 36 | 37 | 38 | 39 | 40 | 41 | 42 | 43 | 44 | 45 | 46 | 47 | 48 | 49 | 50 | 51 | 52 | 53 | 54 | 55 | 56 | 57 | 58 | 59 | 60 | 61 | 62 | 63 | 64 | 65 | 66 | 67 | 68 | 69 | 70 | 71 | 72 | 73 | 74 | 75 | 76 | 77 | 78 | 79 | 80 | 81 | 82 | 83 | 84 | 85 | 86 | 87 | 88 | 89 | 90 | 91 | 92 | 93 | 94 | 95 | 96 | 97 | 98 | 99 | 100 |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|-----|

- [illegible]

Bài 7

Cô My trồng đỗ tương trên thửa ruộng hình chữ nhật dài 36 m và rộng 10 m. Trung bình cứ 10 m² cô My thu hoạch được 30 kg đỗ tương. Hỏi cô My thu hoạch được bao nhiêu ki-lô-gam đỗ tương trên thửa ruộng đó?

Bài giải

[illegible]

A. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

1 Cộng các phân số cùng mẫu số.

- Muốn cộng hai phân số có cùng mẫu số, ta cộng hai tử số với nhau và giữ nguyên mẫu số.

Ví dụ: $\frac{3}{9} + \frac{4}{9} = \frac{3 + 4}{9} = \frac{7}{9}$

2 Trừ các phân số cùng mẫu số.

- Muốn trừ hai phân số có cùng mẫu số, ta lấy tử số của phân số thứ nhất trừ đi tử số của phân số thứ hai và giữ nguyên mẫu số.

Ví dụ: $\frac{11}{5} - \frac{3}{5} = \frac{11 - 3}{5} = \frac{8}{5}$



I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Kết quả của phép tính $\frac{7}{36} + \frac{4}{36}$ là:

A. $\frac{11}{72}$

B. $\frac{11}{36}$

C. $\frac{28}{36}$

D. $\frac{8}{36}$

Câu 2 Kết quả của phép tính $\frac{15}{20} - \frac{3}{20}$ là:

A. $\frac{3}{5}$

B. $\frac{12}{40}$

C. $\frac{18}{20}$

D. $\frac{11}{20}$

Câu 3 Trong các phép tính dưới đây, phép tính có kết quả lớn nhất là:

A. $\frac{3}{21} + \frac{11}{21}$

B. $\frac{5}{42} + \frac{17}{42}$

C. $\frac{5}{7} - \frac{3}{7}$

D. $\frac{7}{6} - \frac{5}{6}$

Câu 4 Phân số thích hợp điền vào chỗ trống là:

A. $\frac{1}{2}$

B. $\frac{3}{2}$

C. $\frac{4}{7}$

D. $\frac{5}{4}$

$$\frac{9}{28} + \frac{5}{28} < \boxed{?} < \frac{7}{4} - \frac{3}{4}$$

Câu 5 Hai chị em Hằng và Huy đang giúp mẹ tưới rau trong vườn. Huy đã tưới được $\frac{3}{8}$ vườn rau, chị Hằng tưới được nhiều hơn Huy $\frac{1}{8}$ vườn rau. Vậy cả hai chị em đã tưới được số phần của vườn rau là:

A. $\frac{1}{2}$ vườn rau

B. $\frac{1}{3}$ vườn rau

C. $\frac{1}{4}$ vườn rau

D. $\frac{7}{8}$ vườn rau

Câu 6 Sáng nay, cô Hà cấy được $\frac{2}{6}$ thửa ruộng. Chiều nay, cô cấy được ít hơn sáng nay $\frac{1}{6}$ thửa ruộng. Vậy hôm nay cô Hà cấy được số phần thửa ruộng là:

A. $\frac{1}{3}$ thửa ruộng

B. $\frac{1}{2}$ thửa ruộng

C. $\frac{1}{4}$ thửa ruộng

D. $\frac{4}{6}$ thửa ruộng

II. Phần tự luận.

Bài 1 Tính:

$$\frac{3}{7} + \frac{2}{7} = \square$$

$$\frac{12}{19} + \frac{5}{19} = \square$$

$$\frac{25}{23} - \frac{13}{23} = \square$$

$$\frac{30}{37} - \frac{12}{37} = \square$$

$$\frac{2}{9} + \frac{5}{9} = \square$$

$$\frac{8}{13} + \frac{2}{13} = \square$$

$$\frac{20}{11} - \frac{5}{11} = \square$$

$$\frac{91}{93} - \frac{28}{93} = \square$$

Bài 2 Tính:

$$\frac{3}{17} + \frac{8}{17} + \frac{5}{17} = \square$$

$$\frac{5}{16} + \frac{9}{16} + \frac{1}{16} = \square$$

$$\frac{20}{21} - \frac{5}{21} - \frac{4}{21} = \square$$

$$\frac{4}{15} + \frac{7}{15} + \frac{2}{15} = \square$$

$$\frac{25}{14} - \frac{3}{14} - \frac{11}{14} = \square$$

$$\frac{40}{53} - \frac{12}{53} - \frac{19}{53} = \square$$

Bài 3 Tính rồi rút gọn:

$$\frac{4}{15} + \frac{8}{15} = \square$$

$$\frac{35}{24} - \frac{23}{24} = \square$$

$$\frac{3}{14} + \frac{4}{14} = \square$$

$$\frac{19}{21} - \frac{4}{21} = \square$$

Bài 4 > ; < ; = ?

$$\frac{3}{13} + \frac{4}{13} \square \frac{5}{13}$$

$$\frac{9}{11} \square \frac{12}{11} - \frac{2}{11}$$

$$\frac{1}{12} + \frac{11}{12} \square \frac{17}{24} + \frac{7}{24}$$

$$\frac{4}{3} - \frac{2}{3} \square \frac{5}{9}$$

$$\frac{11}{16} \square \frac{5}{32} + \frac{17}{32}$$

$$\frac{23}{19} - \frac{4}{19} \square \frac{5}{9} + \frac{7}{9}$$

Bài 5 Bà ngoại cho Minh một gói bánh. Buổi sáng Minh ăn hết $\frac{3}{10}$ gói bánh. Buổi chiều Minh ăn ít hơn buổi sáng $\frac{1}{10}$ gói bánh. Hỏi Minh đã ăn hết tất cả bao nhiêu phần gói bánh?



This image shows a full page of blank graph paper. The grid consists of light blue horizontal and vertical lines forming small squares across the entire page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

Bài 6

Minh câu được $\frac{9}{10}$ kg cá. Minh câu được nhiều hơn Bình $\frac{3}{10}$ kg cá. Hỏi cả

Minh và Bình câu được bao nhiêu ki-lô-gam cá?

Trong các phép tính dưới đây, bài giải nào có kết quả lớn nhất là:

$$\frac{1}{1} = \frac{5 \times 5}{5 \times 5} = \frac{5}{5}$$

$$\frac{24}{11} = \frac{4}{11} + \frac{20}{11} = \frac{4}{11} + \frac{2}{1}$$

Bài 7

Hà giải bài toán thứ nhất hết $\frac{6}{15}$ giờ. Hà giải bài toán thứ hai nhanh hơn bài

toán thứ nhất $\frac{2}{15}$ giờ. Tính thời gian Hà giải cả hai bài toán.

Bài giải

A full-page sheet of white graph paper with a light blue grid. The grid consists of small squares formed by thin blue lines. There are no margins or other markings on the page.

A. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

Cộng các phân số khác mẫu số

- Muốn cộng hai phân số khác mẫu số, ta quy đồng mẫu số hai phân số, rồi cộng hai phân số đó.

Ví dụ: $\frac{3}{5} + \frac{7}{10} = ?$

Ta có: $\frac{3}{5} = \frac{3 \times 2}{5 \times 2} = \frac{6}{10}$.

Vậy $\frac{3}{5} + \frac{7}{10} = \frac{6}{10} + \frac{7}{10} = \frac{13}{10}$.



B. BÀI TẬP



I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Kết quả của phép tính $\frac{4}{35} + \frac{4}{5}$ là:

A. $\frac{8}{40}$

B. $\frac{32}{35}$

C. $\frac{8}{35}$

D. $\frac{43}{45}$

Câu 2 Kết quả của phép tính $\frac{5}{18} + \frac{7}{18} + \frac{2}{3}$ là:

A. $\frac{4}{3}$

B. $\frac{2}{3}$

C. $\frac{14}{18}$

D. $\frac{14}{21}$

Câu 3 Trong các phép tính dưới đây, phép tính có kết quả lớn nhất là:

A. $\frac{4}{63} + \frac{7}{9}$

B. $\frac{3}{7} + \frac{2}{7}$

C. $\frac{25}{9} - \frac{17}{9}$

D. $\frac{5}{21} + \frac{1}{3}$

Câu 4 Phân số thích hợp điền vào chỗ trống là:

A. $\frac{13}{6}$

B. $\frac{6}{7}$

C. $\frac{25}{21}$

D. $\frac{22}{21}$

$$\frac{5}{42} + \frac{6}{7} < \boxed{?} < \frac{11}{6} - \frac{4}{6}$$

Câu 5 Hà mới mua một cuốn sách và dành hai ngày để đọc cuốn sách đó. Ngày thứ nhất, Hà đọc được $\frac{2}{9}$ cuốn sách. Ngày thứ hai, Hà đọc được nhiều hơn ngày thứ nhất $\frac{1}{18}$ cuốn sách. Vậy cả hai ngày Hà đọc được số phần cuốn sách là:

A. $\frac{5}{18}$ cuốn sách

B. $\frac{1}{2}$ cuốn sách

C. $\frac{5}{9}$ cuốn sách

D. $\frac{7}{18}$ cuốn sách

Câu 6 Hình tam giác ABC có $AB = \frac{7}{10}$ dm, $BC = \frac{9}{10}$ dm và $CA = \frac{1}{2}$ dm. Vậy chu vi của hình tam giác ABC là:

A. $\frac{21}{10}$ dm

B. $\frac{12}{10}$ dm

C. $\frac{14}{10}$ dm

D. $\frac{17}{10}$ dm

II. Phần tự luận.

Bài 1 Tính:

$$\frac{3}{28} + \frac{2}{28} = \square$$

$$\frac{8}{25} + \frac{7}{25} = \square$$

$$\frac{20}{22} - \frac{9}{22} = \square$$

$$\frac{11}{12} - \frac{3}{12} = \square$$

$$\frac{3}{14} + \frac{9}{14} = \square$$

$$\frac{1}{12} + \frac{5}{12} = \square$$

$$\frac{31}{36} - \frac{19}{36} = \square$$

$$\frac{25}{24} - \frac{6}{24} = \square$$

Bài 2 Tính:

$$\frac{4}{5} + \frac{3}{20} = \square$$

$$\frac{4}{9} + \frac{17}{54} = \square$$

$$\frac{3}{5} + \frac{2}{15} = \square$$

$$\frac{2}{7} + \frac{5}{14} = \square$$

$$\frac{7}{32} + \frac{5}{8} = \square$$

$$\frac{19}{81} + \frac{25}{27} = \square$$

$$\frac{3}{4} + \frac{7}{8} = \square$$

$$\frac{1}{3} + \frac{11}{27} = \square$$

Bài 3 Rút gọn rồi tính:

$$\frac{9}{27} + \frac{2}{3} = \square$$

$$\frac{63}{54} + \frac{5}{6} = \square$$

$$\frac{4}{9} + \frac{16}{36} = \square$$

$$\frac{26}{52} + \frac{7}{2} = \square$$

Bài 4 $>$; $<$; $=$?

$$\frac{5}{18} + \frac{1}{9} \square \frac{1}{3}$$

$$\frac{13}{49} \square \frac{1}{7} + \frac{5}{49}$$

$$\frac{6}{22} + \frac{2}{11} \square \frac{5}{11} + \frac{3}{11}$$

$$\frac{15}{8} + \frac{1}{4} \square \frac{17}{8}$$

$$\frac{11}{20} \square \frac{7}{40} + \frac{3}{8}$$

$$\frac{15}{24} - \frac{5}{24} \square \frac{1}{12} + \frac{1}{3}$$

Bài 5 Một nhân viên giao hàng giờ đầu tiên giao được $\frac{3}{14}$ số hàng, giờ thứ hai giao được $\frac{2}{7}$ số hàng. Hỏi sau hai giờ, nhân viên giao hàng đó giao được bao nhiêu phần của số hàng?

[illegible]

Bài 6 Cô My mua hai can mật ong. Can thứ nhất có $\frac{29}{5}$ l mật ong, can thứ hai có nhiều hơn can thứ nhất $\frac{14}{10}$ l mật ong. Hỏi cô My đã mua bao nhiêu lít mật ong?

Cô My mua hai can mật ong. Can thứ nhất có $\frac{29}{5}$ l mật ong, can thứ hai có nhiều hơn can thứ nhất $\frac{14}{10}$ l mật ong. Hỏi cô My đã mua bao nhiêu lít mật ong?

Bài giải

This is a full-page image of a blank sheet of graph paper. The grid consists of small squares formed by thin, light blue lines. There are no margins, text, or other markings on the page.

Bài 7 Em của Hà vừa tròn 2 tháng tuổi. Lúc mới sinh, em cân nặng $\frac{17}{5}$ kg. Tháng đầu tiên, em tăng thêm được $\frac{11}{10}$ kg. Tháng thứ hai, em tăng thêm được $\frac{3}{2}$ kg.

Em của Hà vừa tròn 2 tháng tuổi. Lúc mới sinh, em cân nặng $\frac{17}{5}$ kg. Tháng đầu tiên, em tăng thêm được $\frac{11}{10}$ kg. Tháng thứ hai, em tăng thêm được $\frac{3}{2}$ kg.

Hỏi hiện tại em của Hà cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

Bài giải

[illegible]

A. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

1 Trừ các phân số khác mẫu số.

- Muốn trừ hai phân số khác mẫu số, ta quy đồng mẫu số hai phân số, rồi trừ hai phân số đó.

Ví dụ: $\frac{8}{3} - \frac{7}{12} = ?$

Ta có: $\frac{8}{3} = \frac{8 \times 4}{3 \times 4} = \frac{32}{12}$.

Vậy $\frac{8}{3} - \frac{7}{12} = \frac{32}{12} - \frac{7}{12} = \frac{25}{12}$.

2 Tính chất giao hoán của phép cộng phân số.

- Khi thực hiện phép cộng hai phân số, ta có thể đổi chỗ các số hạng trong một tổng mà tổng của chúng không thay đổi.

$$\frac{a}{b} + \frac{c}{d} = \frac{c}{d} + \frac{a}{b}$$

3 Tính chất kết hợp của phép cộng phân số.

- Khi cộng một tổng hai phân số với phân số thứ ba, ta có thể cộng phân số thứ nhất với tổng của phân số thứ hai và phân số thứ ba.

$$\left(\frac{a}{b} + \frac{c}{d} \right) + \frac{e}{g} = \frac{a}{b} + \left(\frac{c}{d} + \frac{e}{g} \right)$$



B. BÀI TẬP



I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

★ **Câu 1** Kết quả của phép tính $\frac{9}{13} - \frac{5}{26}$ là:

A. $\frac{4}{26}$

B. $\frac{1}{2}$

C. $\frac{4}{2}$

D. $\frac{14}{26}$

★ **Câu 2** Trong các phép tính dưới đây, phép tính có kết quả bé hơn 1 là:

A. $4 - \frac{1}{7}$

B. $5 + \frac{2}{7}$

C. $\frac{68}{63} - 1$

D. $\frac{4}{9} + 1$

★ **Câu 3** Phân số thích hợp điền vào chỗ trống là:

A. $\frac{1}{4}$

B. $\frac{5}{12}$

C. $\frac{1}{3}$

D. $\frac{1}{2}$

$$\frac{7}{12} + \frac{2}{3} = \frac{3}{4} + \boxed{?}$$

★ **Câu 4** Phân số thích hợp điền vào chỗ trống là:

A. $\frac{1}{3}$

B. $\frac{3}{5}$

C. $\frac{4}{3}$

D. $\frac{1}{5}$

$$\left(\frac{7}{15} + \frac{2}{5} \right) + \frac{1}{3} = \frac{2}{5} + \left(\boxed{?} + \frac{7}{15} \right)$$

★ **Câu 5** Một đội công nhân được giao nhiệm vụ sửa chữa 1 km đường trong ba ngày.

Ngày thứ nhất, đội sửa được $\frac{1}{2}$ km. Ngày thứ hai, đội sửa được $\frac{3}{10}$ km. Vậy số ki-lô-mét đường ngày thứ ba đội công nhân đó phải sửa là:

A. $\frac{4}{5}$ km

B. $\frac{1}{5}$ km

C. $\frac{2}{5}$ km

D. $\frac{3}{5}$ km

★ **Câu 6** An thu gom được $\frac{5}{2}$ kg giấy vụn. Hà thu được ít hơn An $\frac{8}{10}$ kg giấy vụn. My thu gom được nhiều hơn Hà $\frac{11}{10}$ kg giấy vụn. Vậy cả ba bạn thu gom được số ki-lô-gam giấy vụn là:

A. 5 kg

B. 6 kg

C. 7 kg

D. 8 kg

II. Phần tự luận.

★ Bài 1 Tính:

$$\frac{2}{9} + \frac{3}{18} =$$

$$\frac{3}{5} + \frac{8}{45} =$$

$$\frac{11}{12} - \frac{3}{4} =$$

$$\frac{9}{11} - \frac{5}{33} =$$

$$\frac{17}{36} + \frac{5}{12} =$$

$$\frac{5}{6} + \frac{13}{24} =$$

$$\frac{29}{32} - \frac{5}{8} =$$

$$\frac{11}{15} - \frac{13}{30} =$$

★ Bài 2 Tính:

$$3 + \frac{5}{7} =$$

$$5 - \frac{4}{9} =$$

$$\frac{5}{11} + 2 =$$

$$\frac{9}{2} - 2 =$$

★ Bài 3 Tính:

$$\frac{5}{12} + \frac{5}{12} + \frac{2}{12} =$$

$$\frac{17}{18} - \frac{3}{18} - \frac{5}{18} =$$

$$\frac{7}{21} + \frac{8}{21} - \frac{2}{7} =$$

$$\frac{8}{15} + \frac{2}{15} + \frac{1}{3} =$$

$$\frac{21}{16} - \frac{7}{16} - \frac{5}{8} =$$

$$\frac{17}{20} - \frac{7}{20} + \frac{3}{2} =$$

★ Bài 4 Rút gọn rồi tính:

$$\frac{24}{48} + \frac{1}{2} =$$

$$\frac{7}{6} - \frac{10}{12} =$$

$$\frac{10}{21} + \frac{2}{42} =$$

$$\frac{18}{25} - \frac{24}{50} =$$

★ Bài 5 Tính bằng cách thuận tiện:

$$\frac{7}{15} + \left(\frac{3}{5} + \frac{5}{15} \right) =$$



[illegible]

Bài giải

[illegible]

Bài giải

This is a full-page image of a blank sheet of graph paper. The paper has a white background with a uniform grid of thin, light blue lines. The grid consists of small squares that cover the entire area of the page, except for a narrow margin at the top where there is some faint, illegible text from the reverse side of the paper.

A. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

1 Phép nhân phân số.

- Muốn nhân hai phân số, ta lấy tử số nhân với tử số, mẫu số nhân với mẫu số.

$$\text{Ví dụ: } \frac{3}{7} \times \frac{4}{5} = \frac{3 \times 4}{7 \times 5} = \frac{12}{35}.$$

2 Tính chất giao hoán của phép nhân phân số.

- Khi thực hiện phép nhân hai phân số, ta có thể đổi chỗ các phân số trong một tích mà tích của chúng không thay đổi.

$$\frac{a}{b} \times \frac{c}{d} = \frac{c}{d} \times \frac{a}{b}$$

3 Tính chất kết hợp của phép nhân phân số.

- Khi nhân một tích hai phân số với phân số thứ ba, ta có thể nhân phân số thứ nhất với tích của phân số thứ hai và phân số thứ ba.

$$\left(\frac{a}{b} \times \frac{c}{d} \right) \times \frac{e}{g} = \frac{a}{b} \times \left(\frac{c}{d} \times \frac{e}{g} \right)$$



B. BÀI TẬP



I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Kết quả của phép tính $\frac{11}{6} \times \frac{1}{5}$ là:

A. $\frac{12}{11}$

B. $\frac{11}{30}$

C. $\frac{55}{6}$

D. $\frac{6}{55}$

Câu 2 Giá trị của biểu thức $\frac{2}{3} \times \left[\frac{4}{5} \times \frac{3}{2} \right]$ là:

A. $\frac{4}{5}$

B. $\frac{8}{15}$

C. $\frac{6}{5}$

D. $\frac{4}{3}$

Câu 3 Trong các phép tính dưới đây, phép tính có kết quả lớn hơn 1 là:

A. $\frac{7}{6} \times \frac{4}{9}$

B. $\frac{4}{3} \times \frac{2}{5}$

C. $\frac{1}{5} \times 4$

D. $3 \times \frac{5}{12}$

Câu 4 Phân số thích hợp điền vào chỗ trống là:

A. $\frac{3}{2}$

B. $\frac{3}{4}$

C. 1

D. $\frac{5}{4}$

$$\frac{15}{24} + \frac{2}{8} < \boxed{?} < \frac{9}{6} \times \frac{3}{4}$$

Câu 5 Một hình chữ nhật có chiều rộng là $\frac{17}{2}$ cm, chiều dài gấp 3 lần chiều rộng.

Vậy chu vi của mảnh vườn đó là:

A. 17 cm

B. 68 cm

C. 34 cm

D. 51 cm

Câu 6 Sáng nay cô Tâm thu mua được $\frac{5}{2}$ tấn thóc. Chiều nay số thóc cô thu mua được gấp $\frac{3}{2}$ lần sáng nay. Vậy cả sáng nay và chiều nay cô Tâm thu mua được số tấn thóc là:

A. $\frac{15}{4}$ tấn

B. 10 tấn

C. $\frac{25}{4}$ tấn

D. 5 tấn

II. Phần tự luận.

Bài 1 Tính:

$$\frac{3}{7} \times \frac{5}{2} =$$

$$\frac{11}{23} \times \frac{3}{4} =$$

$$\frac{3}{8} \times \frac{3}{5} =$$

$$\frac{10}{13} \times \frac{5}{7} =$$

$$\frac{7}{8} \times \frac{5}{12} =$$

$$\frac{5}{22} \times \frac{7}{4} =$$

Bài 2 Tính:

$$5 \times \frac{4}{7} =$$

$$\frac{15}{29} \times 2 =$$

$$3 \times \frac{7}{10} =$$

$$\frac{7}{13} \times 7 =$$

Bài 3 Rút gọn rồi tính:

$$\frac{10}{12} \times \frac{3}{5} =$$

$$\frac{3}{8} \times \frac{20}{40} =$$

$$\frac{14}{30} \times \frac{3}{7} =$$

$$\frac{7}{12} \times \frac{36}{42} =$$

Bài 4 Tính bằng cách thuận tiện:

$$\frac{7}{17} + \frac{5}{3} + \frac{1}{3} + \frac{10}{17} =$$

$$\frac{1}{15} \times \frac{7}{18} \times 45 =$$

$$\frac{5}{9} \times \frac{12}{19} + \frac{4}{9} \times \frac{12}{19} =$$



[illegible]

Hôm qua cô Hà bán được $\frac{3}{4}$ tạ gạo. Hôm nay cô bán được số gạo gấp $\frac{2}{3}$ lần hôm qua. Hỏi hôm qua và hôm nay cô Hà bán được bao nhiêu tạ gạo?

Bài giải

[illegible]

Bác Minh có một mảnh đất hình chữ nhật dài 30 m và rộng 15 m. Trên mảnh đất đó, bác xây một ngôi nhà, đào một cái ao và làm một vườn rau. Diện tích ngôi nhà là 90 m^2 . Diện tích ao gấp $\frac{10}{3}$ lần diện tích ngôi nhà. Tính diện tích vườn rau của bác Minh.

Bài giải

This image shows a full page of blank graph paper. The grid consists of small squares formed by thin blue lines. There are also thicker blue lines that divide the page into larger sections, typically used for margins or to separate different parts of a drawing or calculation. The paper is otherwise completely empty, with no text or markings.

A. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

1 Tìm phân số của một số.

- Muốn tìm phân số của một số, ta lấy số đó nhân với phân số đã cho.

Ví dụ: Tìm $\frac{1}{5}$ của 20.

$$20 \times \frac{1}{5} = 4$$

2 Phép chia phân số.

- Phân số đảo ngược.

Ví dụ: $\frac{5}{1}$ là phân số đảo ngược của $\frac{1}{5}$.

$\frac{3}{2}$ là phân số đảo ngược của $\frac{2}{3}$.

- Muốn chia một phân số cho một phân số khác 0, ta lấy phân số thứ nhất nhân với phân số đảo ngược của phân số thứ hai.

$$\text{Ví dụ: } \frac{5}{7} : \frac{2}{3} = \frac{5}{7} \times \frac{3}{2} = \frac{15}{14}.$$



B. BÀI TẬP



I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

★ **Câu 1** $\frac{5}{6}$ của 24 là:

A. 15

B. 20

C. 25

D. 4

★ **Câu 2** Kết quả của phép tính $\frac{3}{4} : \frac{7}{5}$ là:

A. $\frac{21}{20}$

B. $\frac{15}{11}$

C. $\frac{21}{9}$

D. $\frac{15}{28}$

★ **Câu 3** Phân số thích hợp điền vào chỗ trống là:

A. $\frac{1}{2}$

B. $\frac{1}{4}$

C. $\frac{1}{5}$

D. $\frac{5}{10}$

$$20 \times \boxed{?} = \frac{5}{2} : \frac{1}{4}$$

★ **Câu 4** Vườn nhà Mai có 180 cây cam và cây xoài, trong số cây cam chiếm $\frac{2}{3}$ số cây. Vậy vườn nhà Mai có số cây xoài là:

A. 60 cây

B. 120 cây

C. 150 cây

D. 90 cây

★ **Câu 5** Lớp 4A có 45 học sinh. Số học sinh lớp 4B bằng $\frac{8}{9}$ số học sinh lớp 4A. Vậy cả hai lớp có số học sinh là:

A. 84 học sinh

B. 40 học sinh

C. 85 học sinh

D. 75 học sinh

★ **Câu 6** Cô Tâm muốn chia đều $\frac{15}{2}$ l mật ong vào các chai, mỗi chai $\frac{3}{2}$ l mật ong. Vậy số chai cô Tâm cần dùng để đựng hết số mật ong đó là:

A. 3 chai

B. 4 chai

C. 5 chai

D. 6 chai

II. Phần tự luận.

★ **Bài 1** Số?

$\frac{3}{7}$ của 42 là .

$\frac{5}{11}$ của 55 là .

$\frac{7}{15}$ của 60 là .

$\frac{8}{13}$ của 65 là .

$\frac{7}{10}$ của 90 là 

$\frac{9}{14}$ của 70 là 

Bài 2 **Tính:**

$$\frac{5}{3} : \frac{2}{7} =$$

$$\frac{13}{15} : \frac{3}{4} =$$

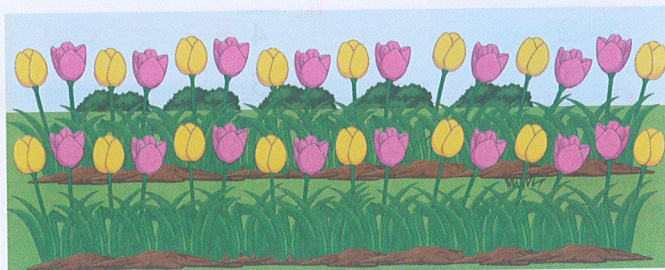
$$\frac{7}{12} : \frac{5}{7} =$$

$$\frac{17}{22} : \frac{2}{5} =$$

Bài 3 Số?

• $\frac{1}{8}$ số bông hoa là  bông hoa.

• $\frac{1}{4}$ số bông hoa là  bông hoa.



Bài 4 Rút gọn rồi tính:

$$\frac{30}{24} : \frac{5}{6} =$$

$$\frac{28}{42} : \frac{4}{5} =$$

$$\frac{7}{12} : \frac{21}{18} =$$

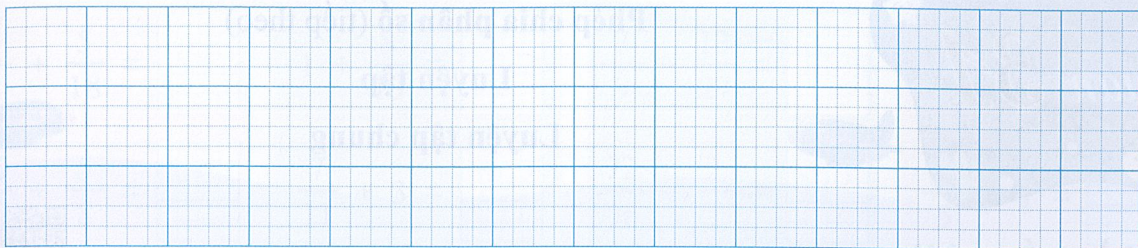
$$\frac{50}{84} : \frac{5}{7} =$$

Bài 5

Vườn chuối nhà Hoa có 480 cây chuối, trong đó $\frac{5}{8}$ số cây chuối đó đã cho quả. Hỏi vườn chuối nhà Hoa còn bao nhiêu cây chuối chưa cho quả?

Bài giải

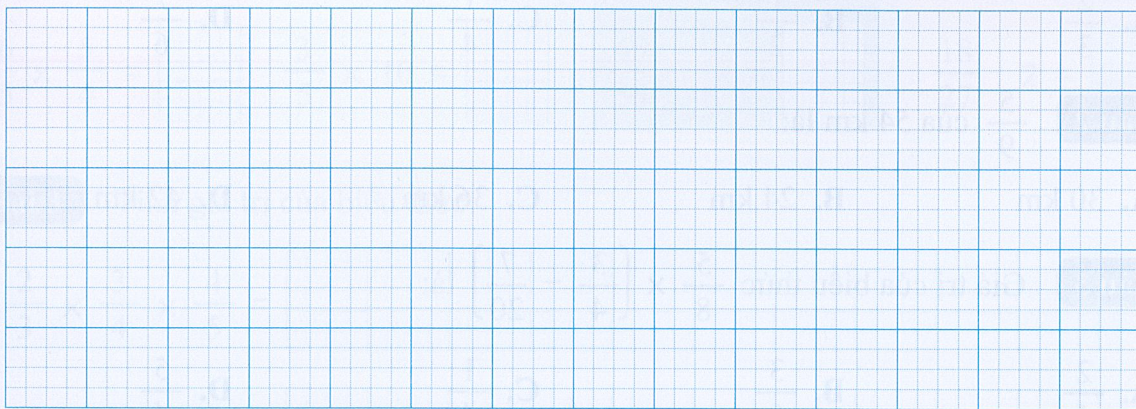
A blank sheet of graph paper with a grid pattern. The grid consists of small squares formed by light blue lines. There are 20 columns and 10 rows of squares. A thicker vertical line runs down the left side, creating a margin. A thicker horizontal line runs across the middle, dividing the page into two equal halves.



Bài 6

Mẹ cho Hà 50 000 đồng. Hà dùng $\frac{2}{5}$ số tiền đó để mua đồ ăn sáng. Số tiền còn lại Hà dùng để mua một cuốn sách. Tính số tiền Hà dùng để mua cuốn sách.

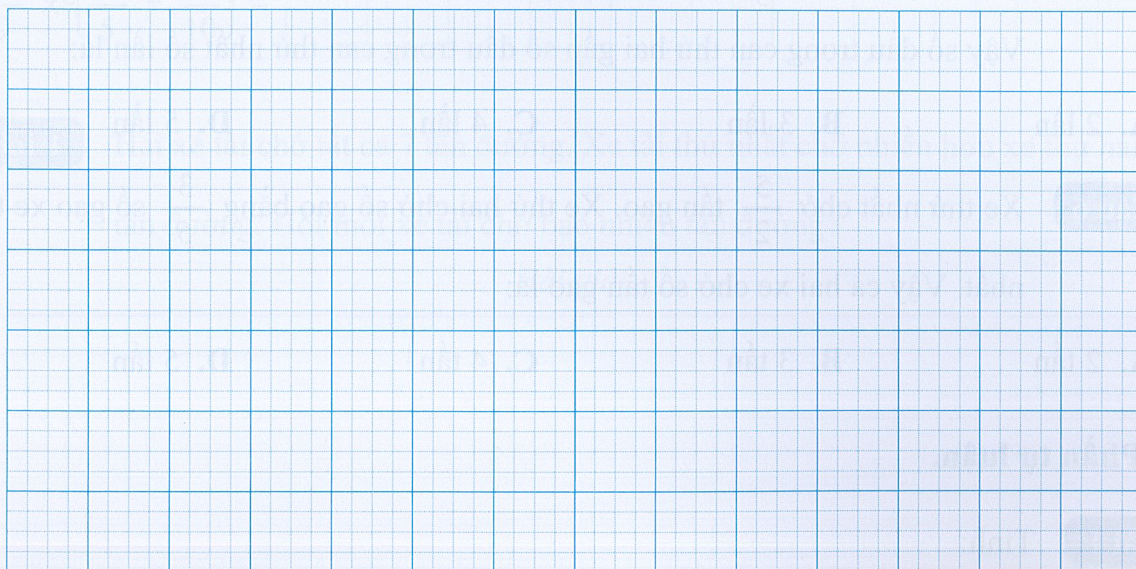
Bài giải



Bài 7

Chú Sơn có một mảnh đất 400 m². Chú bán đi $\frac{1}{5}$ diện tích mảnh đất và dùng $\frac{3}{4}$ diện tích đất còn lại để trồng cây cảnh. Tính diện tích đất trồng cây cảnh của chú Sơn.

Bài giải





I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Kết quả của phép tính $\frac{3}{4} + \frac{5}{12}$ là:

A. $\frac{2}{3}$

B. $\frac{1}{2}$

C. $\frac{1}{4}$

D. $\frac{7}{6}$

Câu 2 $\frac{5}{9}$ của 54 km là:

A. 30 km

B. 24 km

C. 36 km

D. 42 km

Câu 3 Giá trị của biểu thức $\frac{5}{8} \times \left[\frac{3}{4} - \frac{7}{20} \right]$ là:

A. $\frac{2}{5}$

B. $\frac{3}{8}$

C. $\frac{1}{4}$

D. $\frac{5}{4}$

Câu 4 Trong các phép tính dưới đây, phép tính có kết quả lớn nhất là:

A. $\frac{1}{3} + \frac{2}{15}$

B. $\frac{4}{3} \times \frac{2}{5}$

C. $\frac{6}{5} - \frac{4}{15}$

D. $\frac{9}{5} : 3$

Câu 5 Can thứ nhất có $\frac{14}{5}$ l dầu. Can thứ hai có nhiều hơn can thứ nhất $\frac{28}{5}$ l dầu.

Vậy số dầu trong can thứ hai gấp số dầu trong can thứ nhất số lần là:

A. 2 lần

B. 3 lần

C. 4 lần

D. 5 lần

Câu 6 Xe thứ nhất chở $\frac{5}{2}$ tấn gạo. Xe thứ hai chở số gạo bằng $\frac{3}{5}$ số gạo xe thứ nhất. Vậy cả hai xe chở số tấn gạo là:

A. 2 tấn

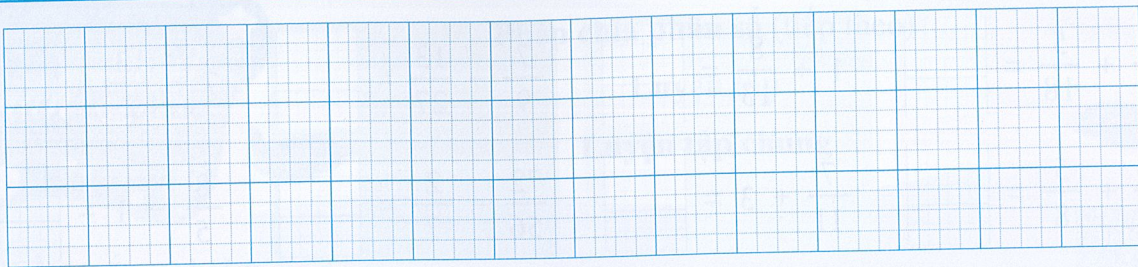
B. 3 tấn

C. 4 tấn

D. 5 tấn

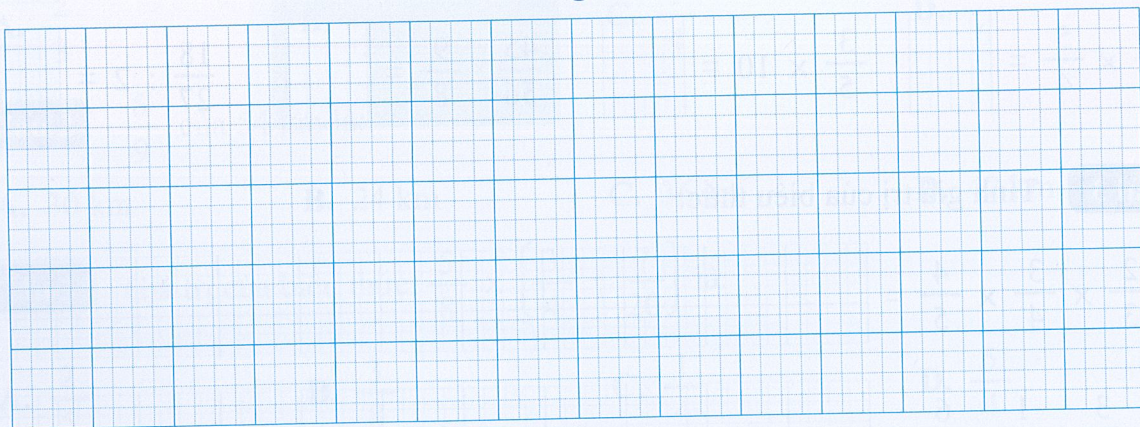
II. Phần tự luận.

Bài 1 Tính:



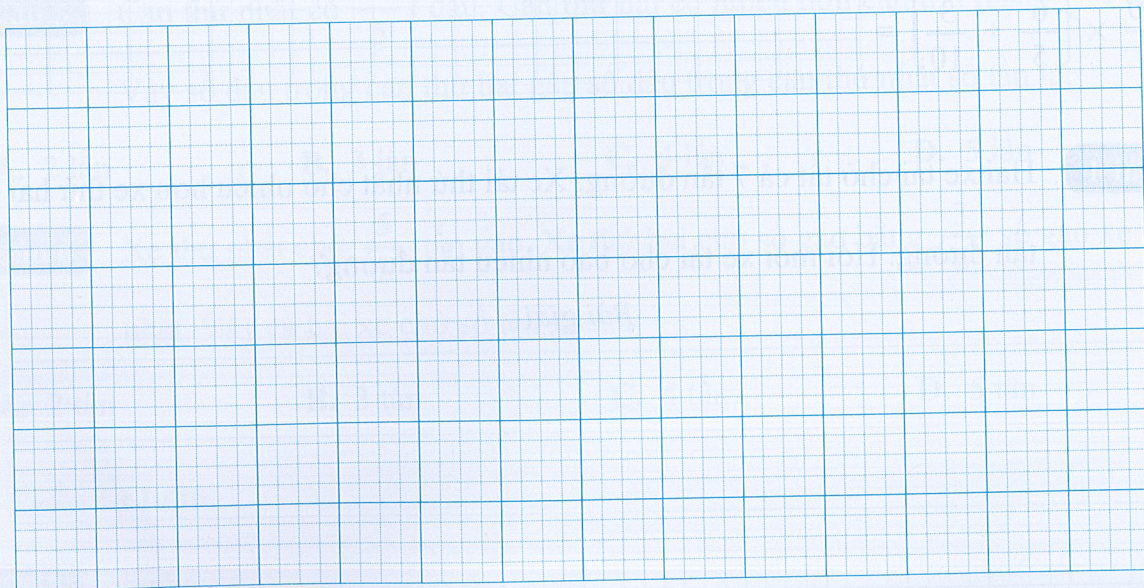
- ★ ★ **Bài 5** Một tấm gỗ hình chữ nhật có chiều rộng là $\frac{3}{2}$ m, chiều dài gấp 3 lần chiều rộng. Tính chu vi của tấm gỗ đó.

Bài giải



- ★ ★ **Bài 6** Mẹ đưa cho Hiền 10 tờ 10 000 đồng. Hiền dùng $\frac{3}{4}$ số tiền đó mua 6 quyển vở. Hỏi mỗi quyển vở Hiền mua giá bao nhiêu tiền?

Bài giải

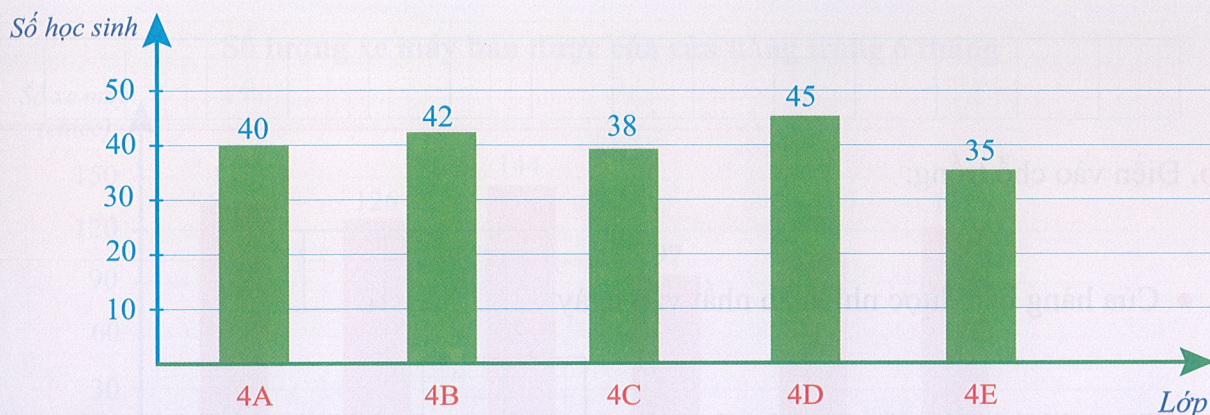




I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Số học sinh khối lớp Bốn của Trường Tiểu Học Kim Đồng



Câu 1 Dãy số nào dưới đây là dãy số liệu thống kê số học sinh khối lớp Bốn?

A. 40; 42; 38; 45; 35 B. 35; 45; 38; 43; 37

C. 40; 42; 38; 45; 36 D. 40; 42; 36; 45; 39

Câu 2 Khối lớp Bốn có tất cả bao nhiêu học sinh?

A. 180 học sinh B. 150 học sinh C. 200 học sinh D. 160 học sinh

Câu 3 Số học sinh lớp 4A chiếm mấy phần số học sinh của khối lớp Bốn?

A. $\frac{1}{3}$ B. $\frac{1}{5}$ C. $\frac{1}{4}$ D. $\frac{3}{10}$

Câu 4 Số học sinh lớp 4E bằng mấy phần số học sinh lớp 4D?

A. $\frac{9}{7}$ B. $\frac{7}{8}$ C. $\frac{7}{9}$ D. $\frac{8}{9}$

Câu 5 Khối lớp Bốn chọn 1 học sinh tham gia cuộc thi hùng biện bằng Tiếng Anh. Có mấy khả năng xảy ra về lớp mà học sinh được chọn đang học?

A. 2 khả năng B. 3 khả năng C. 4 khả năng D. 5 khả năng

II. Phần tự luận.

Bài 1

Một cửa hàng quần áo đã bán được số lượng áo trong 1 tuần như sau:

Thứ Hai: 28 cái; thứ Ba: 45 cái; thứ Tư: 52 cái; thứ Năm: 47 cái;
thứ Sáu: 63 cái; thứ Bảy: 80 cái; Chủ Nhật: 56 cái.

- a. Hãy lập dãy số liệu thống kê số lượng áo đã bán trong 1 tuần của cửa hàng theo thứ tự trên:

[illegible]

- b. Điền vào chỗ trống:**

- Cửa hàng bán được nhiều áo nhất vào ngày

[illegible]

- Trung bình mỗi ngày cửa hàng bán được**

Bài 2

Trong hộp có 1 quả bóng đỏ, 1 quả bóng xanh và 1 quả bóng vàng:

- a.** Không nhìn vào trong hộp, Hà lấy ra 1 quả bóng bất kì. Các sự kiện có thể xảy ra về màu sắc của quả bóng mà Hà lấy được là:

12.01.2017	12.02.2017	12.03.2017	12.04.2017	12.05.2017	12.06.2017	12.07.2017	12.08.2017	12.09.2017	12.10.2017	12.11.2017	12.12.2017	12.01.2018	12.02.2018	12.03.2018	12.04.2018	12.05.2018	12.06.2018	12.07.2018	12.08.2018	12.09.2018	12.10.2018	12.11.2018	12.12.2018	12.01.2019	12.02.2019	12.03.2019	12.04.2019	12.05.2019	12.06.2019	12.07.2019	12.08.2019	12.09.2019	12.10.2019	12.11.2019	12.12.2019	12.01.2020	12.02.2020	12.03.2020	12.04.2020	12.05.2020	12.06.2020	12.07.2020	12.08.2020	12.09.2020	12.10.2020	12.11.2020	12.12.2020	12.01.2021	12.02.2021	12.03.2021	12.04.2021	12.05.2021	12.06.2021	12.07.2021	12.08.2021	12.09.2021	12.10.2021	12.11.2021	12.12.2021	12.01.2022	12.02.2022	12.03.2022	12.04.2022	12.05.2022	12.06.2022	12.07.2022	12.08.2022	12.09.2022	12.10.2022	12.11.2022	12.12.2022	12.01.2023	12.02.2023	12.03.2023	12.04.2023	12.05.2023	12.06.2023	12.07.2023	12.08.2023	12.09.2023	12.10.2023	12.11.2023	12.12.2023	12.01.2024	12.02.2024	12.03.2024	12.04.2024	12.05.2024	12.06.2024	12.07.2024	12.08.2024	12.09.2024	12.10.2024	12.11.2024	12.12.2024	12.01.2025	12.02.2025	12.03.2025	12.04.2025	12.05.2025	12.06.2025	12.07.2025	12.08.2025	12.09.2025	12.10.2025	12.11.2025	12.12.2025	12.01.2026	12.02.2026	12.03.2026	12.04.2026	12.05.2026	12.06.2026	12.07.2026	12.08.2026	12.09.2026	12.10.2026	12.11.2026	12.12.2026	12.01.2027	12.02.2027	12.03.2027	12.04.2027	12.05.2027	12.06.2027	12.07.2027	12.08.2027	12.09.2027	12.10.2027	12.11.2027	12.12.2027	12.01.2028	12.02.2028	12.03.2028	12.04.2028	12.05.2028	12.06.2028	12.07.2028	12.08.2028	12.09.2028	12.10.2028	12.11.2028	12.12.2028	12.01.2029	12.02.2029	12.03.2029	12.04.2029	12.05.2029	12.06.2029	12.07.2029	12.08.2029	12.09.2029	12.10.2029	12.11.2029	12.12.2029	12.01.2030	12.02.2030	12.03.2030	12.04.2030	12.05.2030	12.06.2030	12.07.2030	12.08.2030	12.09.2030	12.10.2030	12.11.2030	12.12.2030	12.01.2031	12.02.2031	12.03.2031	12.04.2031	12.05.2031	12.06.2031	12.07.2031	12.08.2031	12.09.2031	12.10.2031	12.11.2031	12.12.2031	12.01.2032	12.02.2032	12.03.2032	12.04.2032	12.05.2032	12.06.2032	12.07.2032	12.08.2032	12.09.2032	12.10.2032	12.11.2032	12.12.2032	12.01.2033	12.02.2033	12.03.2033	12.04.2033	12.05.2033	12.06.2033	12.07.2033	12.08.2033	12.09.2033	12.10.2033	12.11.2033	12.12.2033	12.01.2034	12.02.2034	12.03.2034	12.04.2034	12.05.2034	12.06.2034	12.07.2034	12.08.2034	12.09.2034	12.10.2034	12.11.2034	12.12.2034	12.01.2035	12.02.2035	12.03.2035	12.04.2035	12.05.2035	12.06.2035	12.07.2035	12.08.2035	12.09.2035	12.10.2035	12.11.2035	12.12.2035	12.01.2036	12.02.2036	12.03.2036	12.04.2036	12.05.2036	12.06.2036	12.07.2036	12.08.2036	12.09.2036	12.10.2036	12.11.2036	12.12.2036	12.01.2037	12.02.2037	12.03.2037	12.04.2037	12.05.2037	12.06.2037	12.07.2037	12.08.2037	12.09.2037	12.10.2037	12.11.2037	12.12.2037	12.01.2038	12.02.2038	12.03.2038	12.04.2038	12.05.2038	12.06.2038	12.07.2038	12.08.2038	12.09.2038	12.10.2038	12.11.2038	12.12.2038	12.01.2039	12.02.2039	12.03.2039	12.04.2039	12.05.2039	12.06.2039	12.07.2039	12.08.2039	12.09
------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	------------	-------

- b.** Hà lấy bóng ra rồi lại trả lại bóng vào trong hộp. Hà thực hiện 8 lần và ghi lại kết quả như sau:

Lần	1	2	3	4	5	6	7	8
Màu sắc quả bóng	Đỏ	Xanh	Đỏ	Xanh	Đỏ	Vàng	Đỏ	Xanh



- Hà lấy được quả bóng xanh

 lần và lấy được quả bóng vàng

 lần.
- Số lần Hà lấy được quả bóng đỏ chiếm

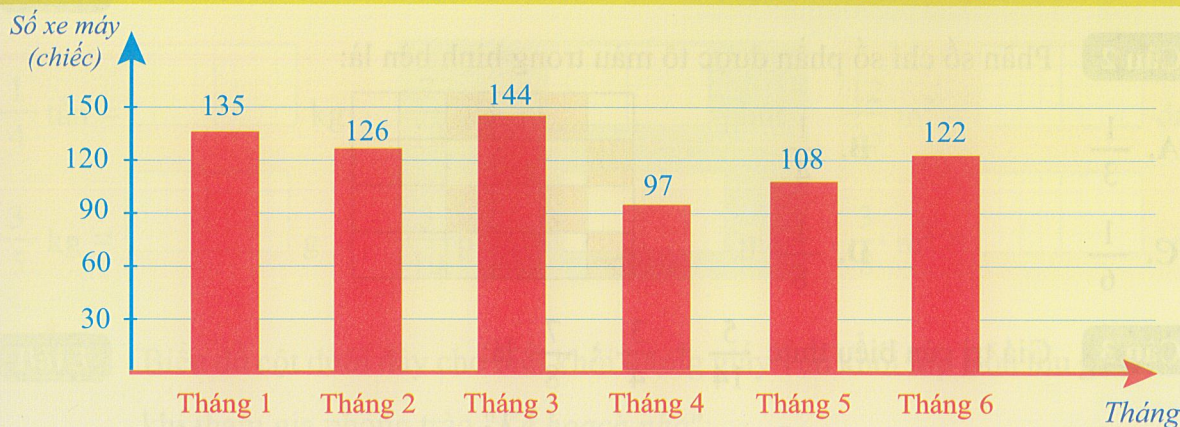
 tổng số lần lấy.

- Số lần Hà lấy được quả bóng đỏ chiếm

 tổng số lần lấy.

Bài 3

Số lượng xe máy bán được của cửa hàng trong 6 tháng



- a. Hãy lập dãy số liệu thống kê số lượng xe máy bán được trong 6 tháng đầu năm của cửa hàng theo thứ tự trên:

[illegible]

- b. Điền vào chỗ trống:**

- [illegible]

- Số xe máy bán được trong tháng 3 gấp

 lần số xe máy bán được trong tháng 5.

- Số xe máy bán được trong tháng 6 bằng  tổng số xe máy bán được trong 6 tháng.

- Trung bình mỗi tháng cửa hàng bán được

--	--	--	--

 chiếc xe máy.



I. Phần trắc nghiệm.

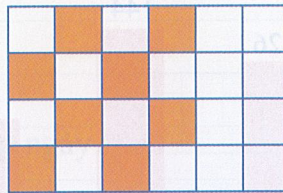
Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Số "Ba mươi tư triệu không trăm linh năm nghìn ba trăm mười" được viết là:

- A. 34 050 310 B. 34 500 310 C. 34 005 301 D. 34 005 310

Câu 2 Phân số chỉ số phần được tô màu trong hình bên là:

- A. $\frac{1}{3}$ B. $\frac{1}{4}$
C. $\frac{1}{6}$ D. $\frac{1}{8}$



Câu 3 Giá trị của biểu thức $\frac{5}{14} + \frac{3}{4} : \frac{7}{8}$ là:

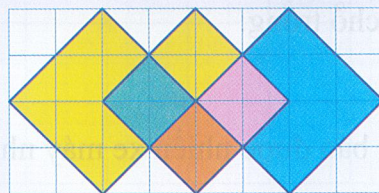
- A. $\frac{11}{14}$ B. $\frac{17}{14}$ C. $\frac{13}{14}$ D. $\frac{32}{49}$

Câu 4 Trong các phép tính dưới đây, phép tính có kết quả lớn nhất là:

- A. $\frac{3}{20} + \frac{2}{5}$ B. $\frac{4}{5} \times \frac{3}{4}$ C. $\frac{5}{2} - \frac{3}{10}$ D. $\frac{3}{5} : 2$

Câu 5 Hình vẽ bên có:

- A. 5 hình thoi B. 6 hình thoi
C. 7 hình thoi D. 8 hình thoi



Câu 6 Trong tháng 7, cửa hàng bán được $\frac{7}{5}$ tấn gạo. Số gạo cửa hàng bán được trong tháng 8 bằng $\frac{17}{14}$ số gạo bán được trong tháng 7. Vậy trong cả hai tháng, trung bình mỗi ngày cửa hàng bán được số ki-lô-gam gạo là:

- A. 45 kg B. 50 kg C. 55 kg D. 60 kg

II. Phần tự luận.

Bài 1 Tính:

$$\frac{1}{4} + \frac{5}{28} = \square$$

$$\frac{7}{8} - \frac{11}{24} = \square$$

$$\frac{3}{5} \times \frac{5}{9} = \square$$

$$\frac{7}{11} : \frac{21}{22} = \square$$

$$\frac{42}{36} + \frac{5}{6} = \square$$

$$\frac{26}{20} - \frac{9}{10} = \square$$

$$\frac{10}{12} \times \frac{4}{15} = \square$$

$$\frac{14}{49} : \frac{8}{7} = \square$$

Bài 2 Số?

$$\frac{1}{4} \text{ tấn} = \square \text{ kg}$$

$$\frac{3}{5} \text{ kg} = \square \text{ g}$$

$$\frac{7}{12} \text{ giờ} = \square \text{ phút}$$

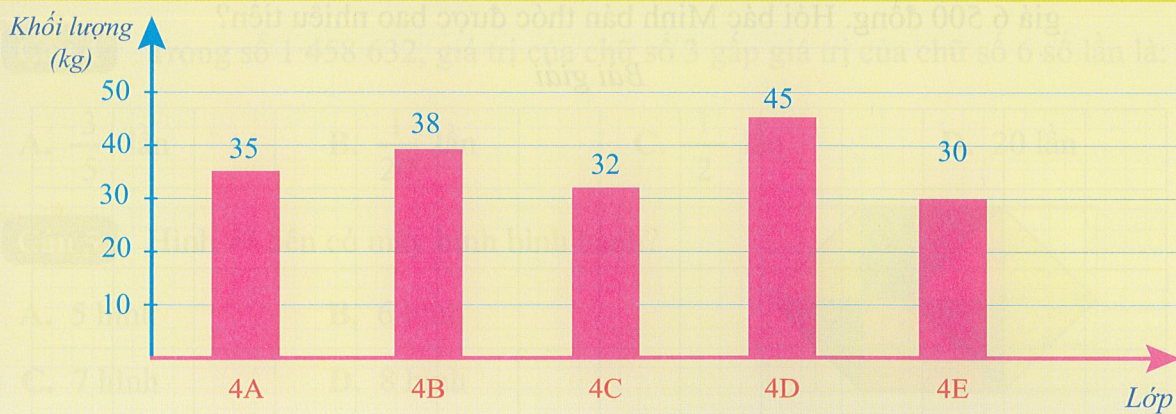
$$\frac{3}{10} \text{ phút} = \square \text{ giây}$$

$$\frac{12}{25} \text{ m}^2 = \square \text{ dm}^2$$

$$\frac{3}{8} \text{ m}^2 = \square \text{ cm}^2$$

Bài 3 Biểu đồ cột dưới đây cho biết khối lượng giấy vụn khối lớp Bốn thu gom được khi tham gia phong trào "Kế hoạch nhỏ":

Khối lượng giấy vụn khối lớp Bốn thu gom được



- Lớp 4B thu gom được $\square$ kg giấy vụn và lớp 4E thu gom được $\square$ kg giấy vụn.
- Lớp thu gom được nhiều giấy vụn nhất là lớp $\square$.
- Trung bình mỗi lớp thu gom được $\square$ kg giấy vụn.

Bài 4 Số?

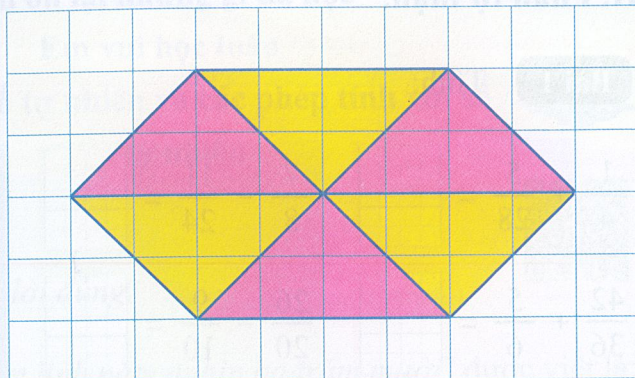
Hình vẽ bên có:



hình bình hành,



hình thoi.

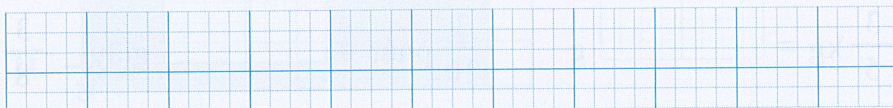


Bài 5 Tính bằng cách thuận tiện:

$$\frac{4}{3} \times \left(\frac{3}{2} + \frac{3}{4} \right) =$$



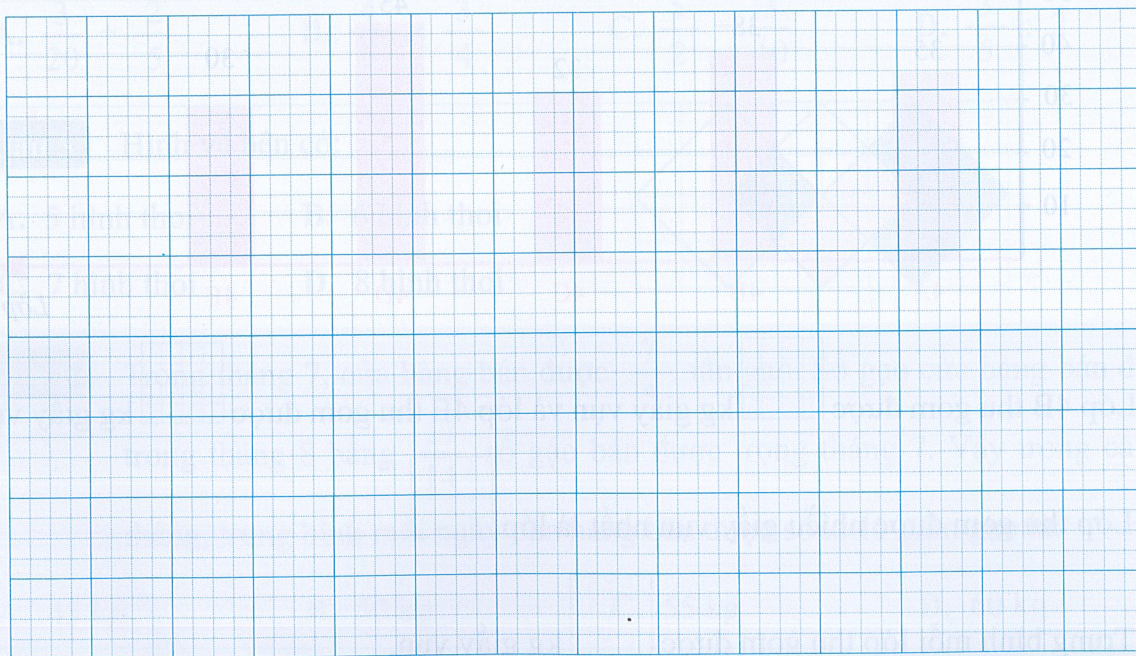
$$\frac{3}{8} \times \frac{1}{5} + \frac{3}{8} \times \frac{9}{5} =$$



Bài 6

Bác Minh đóng số thóc thu hoạch được vụ mùa này vào 50 bao, mỗi bao có $\frac{1}{2}$ tạ thóc. Bác bán đi $\frac{2}{5}$ số thóc đó. Mỗi ki-lô-gam thóc bác Minh bán với giá 6 500 đồng. Hỏi bác Minh bán thóc được bao nhiêu tiền?

Bài giải





I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Số gồm 7 trăm triệu, 3 triệu, 8 trăm nghìn, 7 nghìn và 5 đơn vị là:

- A. 703 807 005 B. 730 870 005 C. 703 870 050 D. 703 807 050

Câu 2 Giá trị của biểu thức $\frac{11}{12} - \frac{2}{3} \times \frac{5}{8}$ là:

- A. $\frac{7}{12}$ B. $\frac{3}{4}$ C. $\frac{5}{12}$ D. $\frac{1}{2}$

Câu 3 Phân số thích hợp điền vào chỗ trống là:

- A. $\frac{1}{5}$ B. $\frac{4}{5}$
C. $\frac{3}{5}$ D. $\frac{2}{5}$

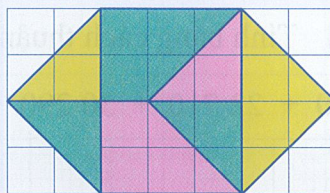
$$\frac{1}{2} + \frac{3}{10} > \boxed{?} > \frac{8}{15} : \frac{4}{3}$$

Câu 4 Trong số 1 458 632, giá trị của chữ số 3 gấp giá trị của chữ số 6 số lần là:

- A. $\frac{3}{5}$ lần B. $\frac{1}{20}$ lần C. $\frac{1}{2}$ lần D. 20 lần

Câu 5 Hình vẽ bên có mấy hình bình hành?

- A. 5 hình B. 6 hình
C. 7 hình D. 8 hình



Câu 6 Cô Hà có 800 000 đồng. Cô dùng $\frac{2}{5}$ số tiền đó mua một chiếc váy. Sau đó, cô dùng $\frac{7}{8}$ số tiền còn lại mua một đôi giày. Vậy đôi giày cô Hà mua có giá là:

- A. 320 000 đồng B. 480 000 đồng C. 700 000 đồng D. 420 000 đồng

II. Phần tự luận.

Bài 1 Tính:

$$\frac{2}{3} + \frac{7}{15} =$$

$$\frac{5}{4} - \frac{13}{16} =$$

$$\frac{3}{4} \times \frac{12}{15} =$$

$$\frac{5}{4} : \frac{5}{7} =$$

$$\frac{9}{30} + \frac{7}{10} =$$

$$\frac{15}{21} - \frac{3}{7} =$$

$$\frac{7}{8} \times \frac{16}{21} =$$

$$\frac{11}{20} : \frac{22}{5} =$$

Bài 2 Tính:

$$\frac{2}{3} - \frac{5}{12} + \frac{1}{4} =$$

$$\frac{5}{7} : \left(\frac{4}{3} - \frac{13}{21} \right) =$$

$$\frac{4}{5} + \frac{1}{10} \times \frac{9}{2} =$$

Bài 3 $> ; < ; =$?

$$\frac{1}{5} \text{ tấn} + \frac{3}{10} \text{ tấn} \quad \square \quad 525 \text{ kg}$$

$$75\,390 \text{ m} : 3 \quad \square \quad 25 \text{ km } 130 \text{ m}$$

$$\frac{1}{2} \text{ m}^2 \text{ } 8 \text{ dm}^2 \quad \square \quad 120 \text{ cm}^2 \times 50$$

$$130 \text{ phút} : 2 \quad \square \quad \frac{3}{4} \text{ giờ } 20 \text{ phút}$$

Bài 4 Tính bằng cách thuận tiện:

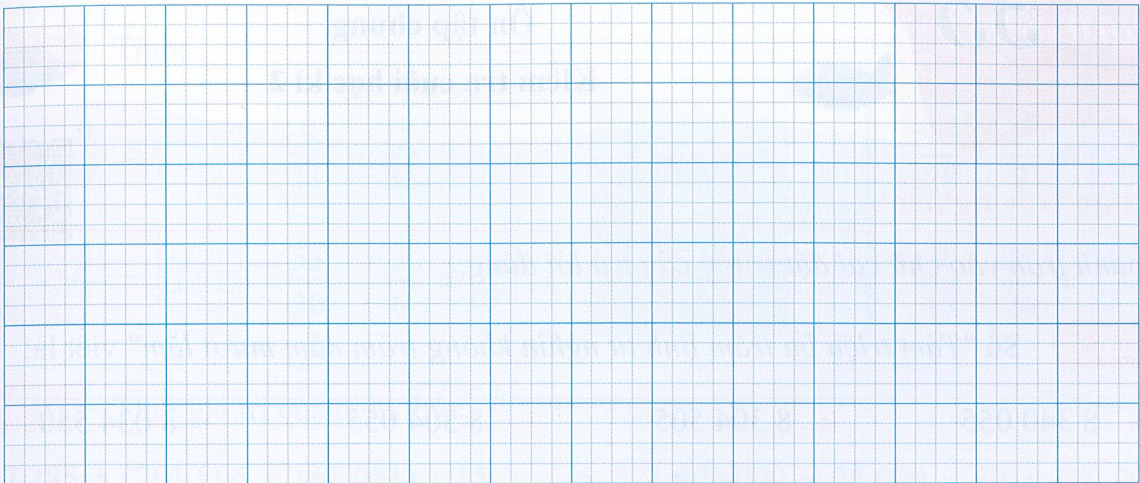
$$11\,560 + 22\,710 + 30\,290 + 5\,440$$

$$25 \times 7\,650 + 2\,350 \times 25$$

Bài 5 Một cửa hàng nhập về 30 thùng được tất cả $\frac{3}{4}$ tấn táo. Cửa hàng đã bán được 23 thùng táo. Hỏi cửa hàng đã bán được bao nhiêu ki-lô-gam táo?



Bài giải



Bài 5 Số?

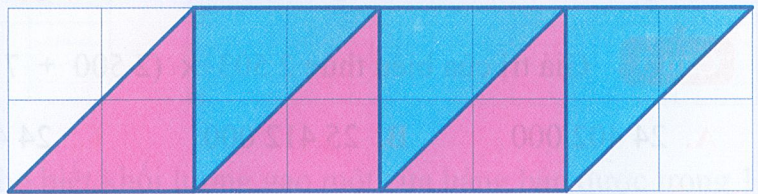
Hình vẽ bên có:



hình bình hành,



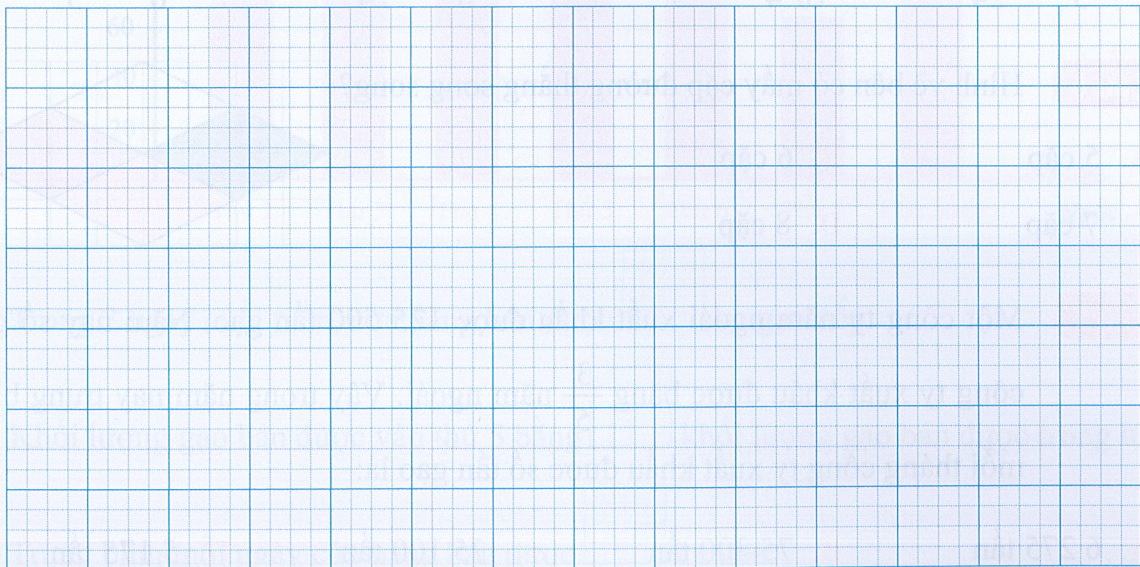
hình thoi.



Bài 7

Chú Sơn muốn dùng các viên gạch men hình vuông cạnh $\frac{3}{5}$ m để lát nền cho căn phòng hình chữ nhật dài 6 m và rộng $\frac{9}{2}$ m. Hỏi để vừa đủ lát nền cho căn phòng đó, chú Sơn cần sử dụng bao nhiêu viên gạch men?

Bài giải





I. Phần trắc nghiệm.

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng:

Câu 1 Số "Tám triệu ba trăm linh tư nghìn không trăm năm mươi lăm" viết là:

- A. 8 340 055 B. 8 304 505 C. 8 304 055 D. 8 034 550

Câu 2 Kết quả của phép tính $\frac{5}{6} - \frac{5}{18}$ là:

- A. $\frac{5}{3}$ B. $\frac{1}{6}$ C. $\frac{11}{18}$ D. $\frac{5}{9}$

Câu 3 Giá trị của biểu thức $2\,503 \times (2\,500 + 7\,500) - 628\,000$ là:

- A. 24 402 000 B. 25 412 000 C. 24 412 000 D. 25 402 000

Câu 4 Trong số 7 582 691, giá trị của chữ số 5 hơn giá trị của chữ số 2 số đơn vị là:

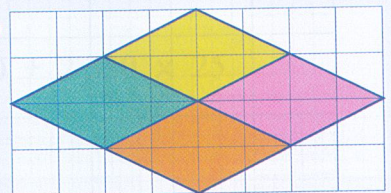
- A. 3 đơn vị B. 498 000 đơn vị C. 490 008 đơn vị D. 250 000 đơn vị

Câu 5 Trong các phép tính dưới đây, phép tính có kết quả lớn nhất là:

- A. $\frac{2}{3} - \frac{5}{24}$ B. $\frac{1}{4} \times \frac{5}{3}$ C. $\frac{5}{6} + \frac{1}{24}$ D. $\frac{5}{6} : \frac{4}{3}$

Câu 6 Hình vẽ bên có mấy cặp đường thẳng song song?

- A. 5 cặp B. 6 cặp
C. 7 cặp D. 8 cặp



Câu 7 Một công ty năm ngoái xuất khẩu được 125 500 tấn gạo. Năm nay số gạo công ty xuất khẩu được bằng $\frac{3}{5}$ năm ngoái. Vậy trong năm nay trung bình mỗi tháng công ty xuất khẩu được số tấn gạo là:

- A. 6 275 tấn B. 75 300 tấn C. 25 100 tấn D. 5 175 tấn

II. Phần tự luận.

Bài 1 Tính:

$$\frac{1}{4} + \frac{9}{16} =$$

$$\frac{9}{11} - \frac{19}{33} =$$

$$\frac{7}{15} \times \frac{2}{3} =$$

$$\frac{15}{28} : \frac{5}{7} =$$

$$\frac{6}{42} + \frac{5}{7} =$$

$$\frac{55}{30} - \frac{5}{6} =$$

$$\frac{7}{12} \times \frac{12}{21} =$$

$$\frac{9}{13} : \frac{45}{26} =$$

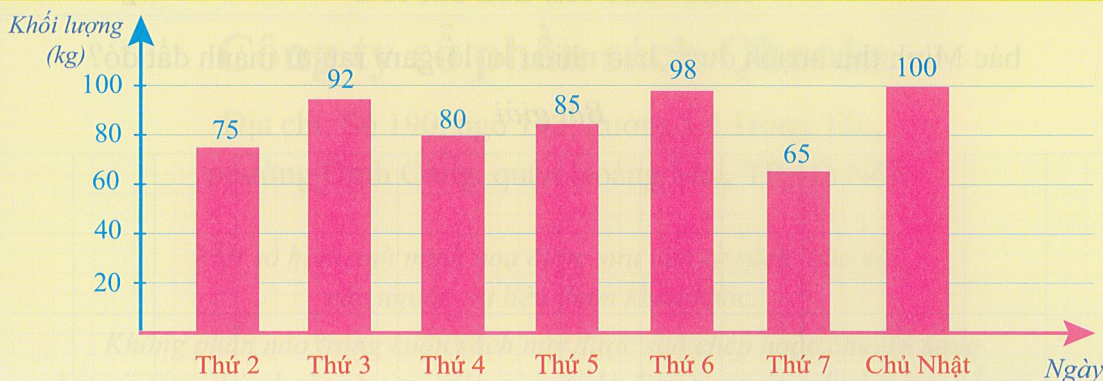
Bài 2 Tính giá trị của biểu thức:

$$7\,285 + (201\,806 - 161\,081) : 15$$

$$1\,000\,000 - 25\,000 \times 30 + 150\,000$$

Bài 3 Biểu đồ cột dưới đây cho biết khối lượng gạo một cửa hàng bán được trong 1 tuần:

Khối lượng gạo bán được của một cửa hàng trong 1 tuần

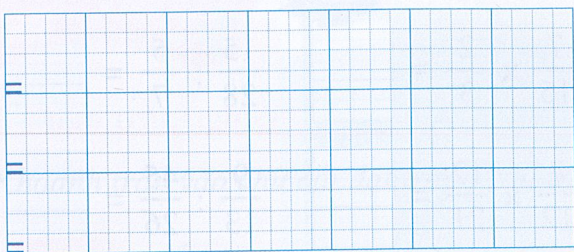


- Trong 2 ngày cuối tuần, cửa hàng bán được kg gạo nếp.
- Khối lượng gạo bán được vào thứ 5 bằng khối lượng gạo bán được trong tuần.
- Trung bình mỗi ngày cửa hàng bán được kg gạo.

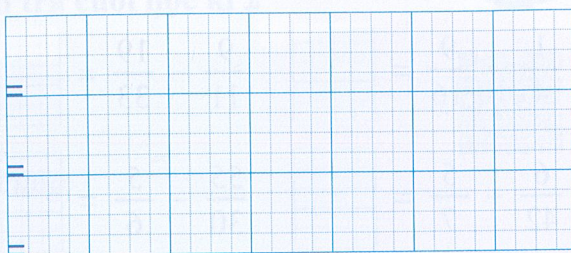
Bài 4

Tính bằng cách thuận tiện:

$$4\,418 + 515 + 582 + 4\,485$$



$$32 \times 1\,280 + 8\,720 \times 32$$



Bài 5

Số?

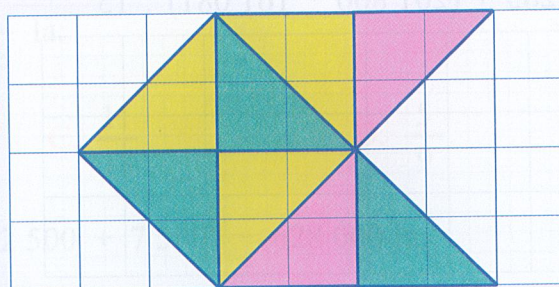
Hình vẽ bên có:



hình bình hành,



hình thoi.



Bài 6

Bác Minh có một mảnh đất hình chữ nhật dài 35 m và rộng 20 m. Bác dùng $\frac{3}{5}$ mảnh đất để trồng rau. Trung bình 1 m² đất cho thu hoạch được $\frac{7}{2}$ kg rau. Hỏi bác Minh thu hoạch được bao nhiêu ki-lô-gam rau từ mảnh đất đó?

Bài giải

